

CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CƠ BẢN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU

1.1. Vấn đề chung

1.1.1 Khái niệm và đặc điểm cơ bản của nguyên vật liệu

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là đối tượng lao động, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia trực tiếp và thường xuyên vào quá trình sản xuất sản phẩm và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm đầu ra.

Đặc điểm của nguyên vật liệu: Nguyên vật liệu tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định và khi tham gia vào quá trình sản xuất dưới tác động của sức lao động và máy móc thiết bị chúng bị tiêu hao hình thái hoặc bị thay đổi hình thái ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm. Do vậy nguyên vật liệu được coi là yếu tố hàng đầu không thể thiếu của bất kỳ quá trình tái sản xuất nào đặc biệt là quá trình hình thành sản phẩm mới trong doanh nghiệp sản xuất.

Về mặt giá trị khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu được chuyển một lần toàn bộ giá trị của nó vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Do vậy nguyên vật liệu thuộc tài sản lưu động. Nó thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành ở các doanh nghiệp. Vì thế việc quản lý và quá trình thu mua, vận chuyển bảo quản dự trữ và sử dụng vật liệu trực tiếp ảnh hưởng đến các chỉ tiêu như số lượng, chất lượng sản phẩm, giá thành, lợi nhuận...

Vật liệu là yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, tham gia vào một chu kỳ sản xuất, thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm và giá trị của vật liệu được chuyển thẳng vào giá trị sản phẩm sản xuất ra.

1.1.2 Vị trí của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất sản phẩm. Đối với sản phẩm sản xuất của doanh nghiệp, nguyên vật liệu không chỉ ảnh hưởng đến chi phí cấu thành nên giá thành sản phẩm mà còn tác động trực tiếp đến chất lượng sản phẩm.

Nguyên vật liệu được nhận thấy dễ dàng trong sản phẩm vì nó tượng trưng cho đặc tính dễ thấy lớn nhất của cái gì đã được sản xuất. Do vậy muốn

cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tiến hành được đều đặn, liên tục phải thường xuyên đảm bảo cho nó các loại nguyên vật liệu, năng lượng đủ về số lượng đúng về quy cách, phẩm chất, kịp về thời gian. Đây là vấn đề bắt buộc mà thiếu thì không thể có quá trình sản xuất sản phẩm được.

1.1.3 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ hạch toán nguyên vật liệu

1.1.3.1 Sự cần thiết của công tác quản lý nguyên vật liệu

Sản xuất có lợi thì chi phí phải giảm vì vậy công tác quản lý nguyên vật liệu là nhiệm vụ của mọi doanh nghiệp, là yêu cầu phương thức kinh doanh trong nền kinh tế thị trường mục đích là để hao phí vật tư ít nhất mang lại lợi nhuận kinh tế cao.

1.1.3.2 Yêu cầu của công tác quản lý nguyên vật liệu

Việc quản lý nguyên vật liệu có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp, cần được thực hiện tốt từ khâu thu mua, bảo quản dự trữ và sử dụng điều này phụ thuộc vào khả năng và sự nhiệt tình của cán bộ quản lý.

Khâu thu mua: Nguyên vật liệu là tài sản dự trữ, thường xuyên biến động nên doanh nghiệp tổ chức thu mua liên tục để đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

Khâu bảo quản: Kho bãi cần thực hiện theo đúng quy chế quy định cho từng loại nguyên vật liệu, phù hợp tính chất lý hoá học của mỗi loại...

Khâu dự trữ: Cần tính toán mức dự trữ tối đa, mức dự trữ tối thiểu, mức dự trữ trung bình cho doanh nghiệp tùy thuộc vào yêu cầu đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp.

Khâu sử dụng: sử dụng tiết kiệm và hợp lý nguyên vật liệu nhưng phải xuất đúng xuất đủ để đảm bảo chất lượng, quy cách sản phẩm.

1.1.3.3 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập - xuất - tồn kho nguyên vật liệu, tính giá thành thực tế của vật liệu thu mua và nhập kho, kiểm tra giám sát chặt chẽ tình hình kế hoạch cung cấp vật liệu phục vụ sản xuất về mặt chất lượng, số lượng chủng loại.

Tính toán và phân bổ chính xác, kịp thời giá trị vật liệu xuất dùng.

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện định mức dự trữ vật liệu, phát hiện kịp thời vật tư ứ đọng, kém phẩm chất chưa cần dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn, giảm thiệt hại.

Thực hiện kiểm kê theo yêu cầu quản lý, lập báo cáo về vật liệu theo yêu cầu quản lý và theo đúng chế độ kế toán nhà nước quy định. Tham gia công tác phân tích, thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu.

1.1.4 Phân loại và tính giá nguyên vật liệu

1.1.4.1 Phân loại nguyên vật liệu

Phân loại là sắp xếp các thứ vật liệu theo tiêu thức phù hợp để phục vụ nhu cầu quản trị doanh nghiệp một cách chặt chẽ và chi tiết.

Do tính năng khác nhau nguyên vật liệu được phân loại theo 3 tiêu thức cơ bản:

Phân loại theo nội dung kinh tế

_ Nguyên vật liệu chính là nguyên vật liệu tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm và cấu thành thực thể của sản phẩm. Nguyên vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.

_ Vật liệu phụ: là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm tăng tính năng, chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường.

_ Nhiên liệu: là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu tồn tại ở thể lỏng, thể rắn, thể khí.

_ Phụ tùng thay thế: là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ dụng cụ sản xuất...

_ Vật liệu khác: bao gồm các loại vật liệu không gồm các loại vật liệu kể trên cụ thể :các phế liệu thu hồi (sắt vụn), bao bì đóng gói ...

Phân loại theo nguồn nhập

_ Nguyên vật liệu mua ngoài trong nước hoặc nhập khẩu

- _Nguyên vật liệu tự gia công sản xuất
- _ Nguyên vật liệu nhận góp vốn
- _ Nguyên vật liệu được biếu tặng hoặc tài trợ

Cách phân loại này giúp doanh nghiệp quản lý, kiểm tra chi phí vật liệu của từng hoạt động của doanh nghiệp để từ đó quyết định đúng trong quản lý và kinh doanh.

Phân loại theo cách khác

- _Nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho chế tạo sản phẩm và sản xuất
- _Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác phục vụ quản lý và sản xuất

1.1.4.2 Tính giá nguyên vật liệu

Tính giá nguyên vật liệu là công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu theo chế độ kế toán hiện hành nguyên vật liệu tính theo giá gốc tức là khi nhập kho hay xuất kho đều phản ánh trên sổ sách theo giá thực tế.

**Tính giá thực tế vật liệu nhập kho*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế vật} & & \text{Giá mua ghi} & & \text{Chi phí thu} & & \text{Các khoản chiết} \\ \text{liệu nhập kho} & = & \text{trên hóa đơn} & + & \text{mua thực tế} & - & \text{khấu được} \\ & & & & & & \text{hưởng} \end{array}$$

- Vật liệu do tự gia công

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế vật} & & \text{Giá trị nguyên vật} & & & & \\ \text{liệu nhập kho} & = & \text{liệu xuất gia công} & + & & & \text{Chi phí liên quan} \end{array}$$

- Vật liệu do thuê ngoài gia công chế biến

$$\begin{array}{ccccccc} & & \text{Giá trị vật} & & & & \\ & & \text{liệu xuất gia} & & \text{Chi phí chế} & & \text{Chi phí khác có} \\ \text{Giá thực tế vật} & = & \text{công chế} & + & \text{biến} & - & \text{liên quan} \\ \text{liệu nhập kho} & & \text{biến} & & & & \end{array}$$

- Vật liệu nhận góp vốn liên doanh

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật} \\ \text{liệu nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá cấp phát (do hội} \\ \text{đồng liên doanh đánh} \\ \text{giá)} \end{array} + \text{Chi phí khác có liên quan}$$

- Vật liệu được biếu tặng tài trợ

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật} \\ \text{liệu nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá của tài sản tương} \\ \text{đương trên thị trường} \\ \text{tại thời điểm đó} \end{array} + \text{Chi phí khác có liên quan}$$

* *Tính giá vật liệu xuất kho*

- **Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ**

Theo phương pháp này trị giá vốn thực tế của thành phẩm khi xuất kho được tính căn cứ vào số lượng thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

<i>Trị giá thành phẩm xuất kho</i>	=	<i>Số lượng thành phẩm xuất kho</i>	*	<i>Đơn giá bình quân gia quyền</i>
---	----------	--	----------	---

Trong đó:

<i>Đơn giá bình quân gia quyền</i>	=	<i>Trị giá thực tế thành phẩm tồn đầu kỳ</i>	+	<i>Trị giá vốn thực tế thành phẩm nhập trong kỳ</i>
		<i>Số lượng thành phẩm tồn đầu kỳ</i>	+	<i>Số lượng thành phẩm nhập trong kỳ</i>

- Đơn giá bình quân thường được tính cho từng loại thành phẩm
- Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá vốn thực tế của thành phẩm vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin quản lý kịp thời.

- **Nhập trước xuất trước**

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

+ Ưu điểm:

- Giúp cho chúng ta có thể tính được ngay giá trị hàng xuất kho từng lần xuất hàng, đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời, cung cấp những thông tin hợp lý, đúng đắn về giá trị hàng tồn kho trong bảng cân đối kế toán.
- Hơn nữa giá trị hàng tồn kho sẽ được phản ánh gần sát với giá thị trường và giá trị hàng tồn kho sẽ bao gồm giá trị hàng mua ở những lần mua sau cùng.

+ Nhược điểm:

Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có từ đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc tăng lên rất nhiều.

+ Điều kiện áp dụng: Phương pháp này thường áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

- **Nhập sau xuất trước**

Theo phương pháp này thì giá trị xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau này, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng tồn kho đầu kỳ hoặc gần cuối kỳ.

+ Ưu điểm:

- Phương pháp này làm cho những khoản doanh thu ở hiện tại phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Vì theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được

tạo ra bởi giá trị vật tư vừa mới đưa vào ngay gần đó.

- Trong khi giá cả có xu hướng tăng lên phương pháp này sẽ giúp cho doanh nghiệp có thể giảm được thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả nhà nước. Bởi vì giá của vật tư được mua vào sau cùng, thường cao hơn giá cả của vật tư được nhập trước sẽ được tính vào giá vốn hàng bán và do đó giảm lợi nhuận dẫn đến số thuế lợi tức phải nộp hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp giảm.

+ Nhược điểm:

- Phương pháp này bỏ qua việc nhập- xuất trong thực tế. Vật tư hàng hoá thông thương được quản lý theo nhập sau- xuất trước.

- Hơn nữa, với phương pháp này chi phí quản lý hàng tồn kho của doanh nghiệp có thể cao vì phải mua thêm vật tư nhằm tính vào giá vốn hàng bán những chi phí mới nhất với giá cao. Điều này trái ngược với chi phí quản lý hàng tồn kho một cách hiệu quả, giảm thiểu lượng hàng tồn kho nhằm cắt giảm chi phí hàng tồn kho.

Mặt khác giá trị hàng tồn kho được phản ánh thấp hơn so với giá trị thực tế của nó. Điều này làm cho khả năng thanh toán của đơn vị bị nhìn nhận kém hơn so với khả năng thực tế.

- **Thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra(trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

+ Ưu điểm:

- Công tác tính giá nguyên vật liệu được thực hiện kịp thời thông qua nguyên vật liệu xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời gian bảo quản của từng lô nguyên vật liệu.

- Đây là phương pháp có thể coi là lý tưởng nhất, nó tuân theo nguyên tắc phù hợp của hạch toán kế toán: chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế - giá trị vật tư xuất dùng cho sản xuất phù hợp với giá trị thành phẩm mà nó tạo ra và giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra.

+ Nhược điểm:

- Việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ áp dụng được khi có hàng tồn kho có thể phân biệt được, chia tách thành từng loại, từng thứ riêng rẽ.

+ Điều kiện áp dụng:

Phương pháp này thường sử dụng trong những doanh nghiệp có ít nguyên vật liệu hoặc nguyên vật liệu ổn định và nhận diện được.

1.2 Phương pháp hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.1 Phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

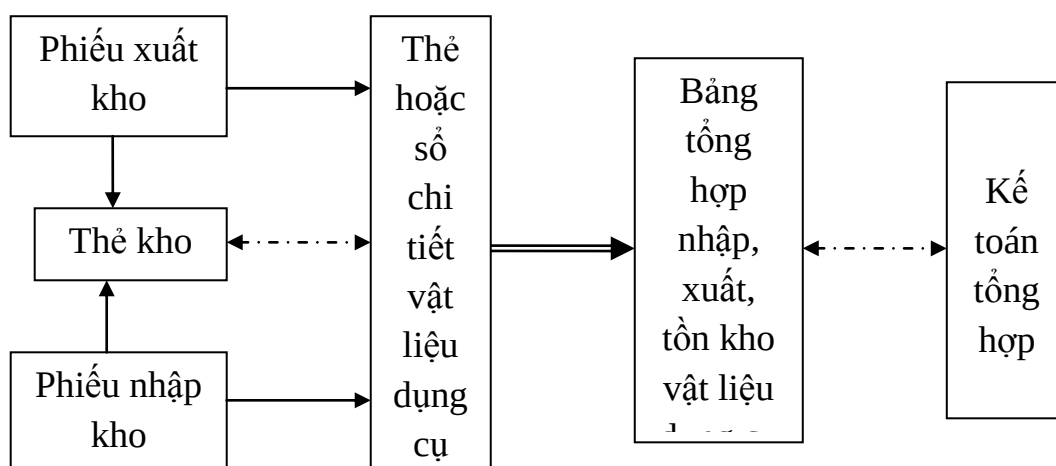
1.2.1.1 Phương pháp thẻ song song

- Nguyên tắc hạch toán

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện trên thẻ kho, thẻ kho do kế toán lập cho từng vật liệu ở từng kho và được mở cho cả năm. Hàng ngày thủ kho kiểm tra tính hợp lý của từng chứng từ nhận được, sắp xếp, phân loại cho từng thứ vật liệu và ghi vào thẻ kho.

Phương pháp hạch toán thẻ song song: Mỗi thẻ kho dùng cho một thứ vật liệu cùng nhãn hiệu, quy cách, đơn vị tính. Sau đó giao cho thủ kho để ghi chép hàng ngày.

- Trình tự hạch toán



Hình 1_1:Sơ đồ hạch toán theo phương pháp thẻ song song

- Tại kho: Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các phiếu nhập kho, xuất kho ghi chép tình hình nhập, xuất kho vào các cột tương ứng trong thẻ kho, mỗi chứng từ được ghi một dòng, cuối ngày tính ra số tồn kho. Theo định kỳ (cuối tháng) nhân viên kế toán vật tư xuống kho nhận chứng từ và kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, sau đó ký xác nhận vào thẻ kho. Mỗi thẻ chỉ được lập cho một thứ vật liệu ở kho.

- Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ chi tiết vật liệu cho từng vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Theo định kỳ (cuối tháng) nhân viên kế toán vật tư xuống kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ. Sau khi phân loại xong, kế toán căn cứ vào đó để ghi chép biến động của từng danh điểm vật liệu bằng cả thước đo hiện vật và thước đo giá trị vào sổ chi tiết vật liệu. Cuối tháng, sau khi ghi chép xong toàn bộ các nghiệp vụ nhập, xuất kho lên sổ chi tiết, kế toán tiến hành cộng và tính số tồn kho cho từng danh điểm vật liệu. Số liệu này phải khớp với số tồn kho của thủ kho trên thẻ kho tương ứng. Đồng thời kế toán phải căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết để lập báo cáo nhập, xuất, tồn vật liệu về mặt giá trị của từng loại vật tư rồi đối chiếu bảng báo cáo này với số liệu của phần mềm kế toán tổng hợp.

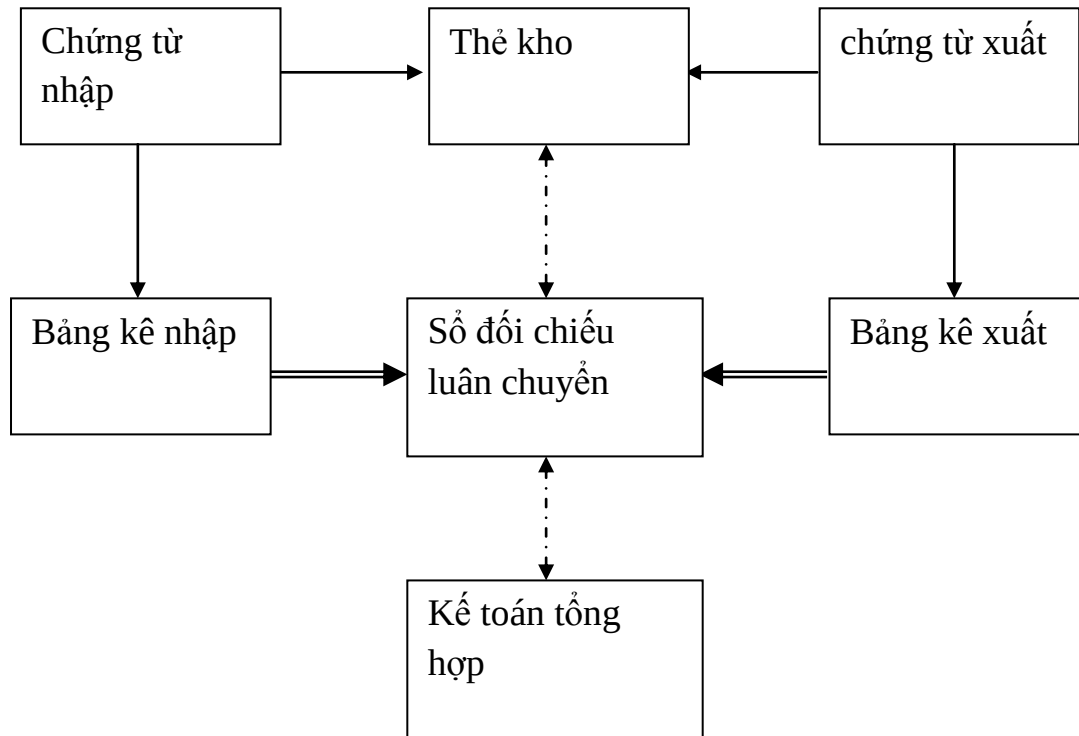
_ Ưu,nhược điểm

+ Ưu điểm: Việc ghi sổ thẻ đơn giản, rõ ràng, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót trong việc ghi chép, quản lý chặt chẽ tình hình biến động và số hiện có của từng thứ nguyên vật liệu theo số lượng và giá trị.

+ Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng công việc quá lớn.Công việc còn dồn vào cuối tháng nên hạn chế tính kịp thời của kế toán và lãng phí lao động.

1.2.1.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Trình tự hạch toán



Hình 1_2: Sơ đồ sổ đối chiếu luân chuyển

_ Tại kho: Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các phiếu nhập kho, xuất kho ghi chép tình hình nhập, xuất kho vào các cột tương ứng trong thẻ kho, mỗi chứng từ được ghi một dòng, cuối ngày tính ra số tồn kho. Theo định kỳ (cuối tháng) nhân viên kế toán vật tư xuống kho nhận chứng từ và kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, sau đó ký xác nhận vào thẻ kho. Mỗi thẻ chỉ được lập cho một thứ vật liệu ở kho.

_ Ở phòng kế toán: kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để theo dõi từng loại vật liệu về cả mặt số lượng và giá trị

Đặc điểm của sổ đối chiếu luân chuyển chỉ ghi một lần vào thời điểm cuối tháng, mỗi loại vật liệu được theo dõi trên một dòng.

1.2.1.3 Phương pháp sổ số dư

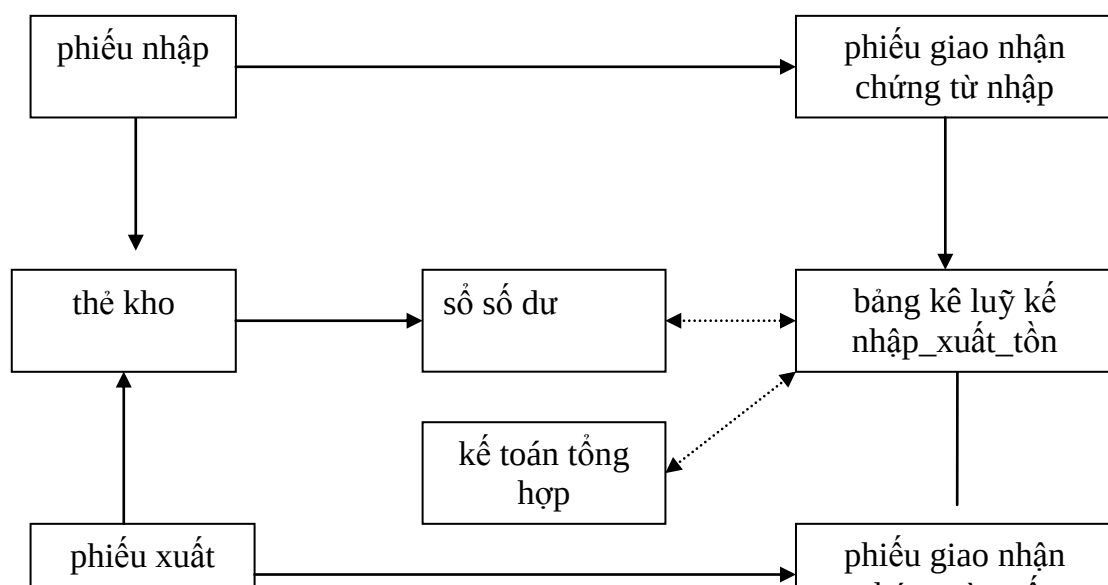
_ Tại kho: ngoài sử dụng thẻ kho để ghi chép còn sử dụng sổ số dư để ghi chép số tồn kho cuối tháng của từng loại nguyên vật liệu theo chỉ tiêu số lượng. Cuối tháng sổ số dư được chuyển cho thủ kho để ghi số liệu hàng tồn kho trên cơ sở số liệu từ thẻ kho.

_ Tại phòng kế toán: Định kỳ kế toán xuống kiểm tra và trực tiếp nhận chứng từ nhập xuất kho, sau đó tiến hành tổng hợp số liệu theo chỉ tiêu giá trị của nguyên vật liệu nhập xuất theo từng nhóm nguyên vật liệu để ghi vào bảng kê nhập xuất, tiếp đó ghi vào bảng kê lũy kế nhập xuất, đến cuối tháng ghi vào nhập xuất tồn của bảng kê tổng hợp. Đồng thời cuối tháng khi nhận sổ số dư từ thủ kho kế toán tính giá trị của nguyên vật liệu tồn kho để ghi vào sổ số dư, cột thành tiền số liệu này phải khớp với tồn kho cuối tháng trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn kho cuối kỳ.

_ Ưu, nhược điểm.

+ Ưu điểm: Giảm bớt được khối lượng ghi chép, kiểm tra đối chiếu tiến hành định kỳ nên bảo đảm tính chính xác, công việc dàn đều trong tháng.

+ Nhược điểm: Do phòng kế toán chỉ theo dõi chỉ tiêu giá trị vì vậy khi nắm bắt tình hình nhập xuất tồn của thứ nguyên vật liệu nào thì phải xem trên thẻ kho, Khi đối chiếu số liệu giữa bảng kê và sổ số dư khá phức tạp nếu xảy ra chênh lệch.



1.2.2 Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu

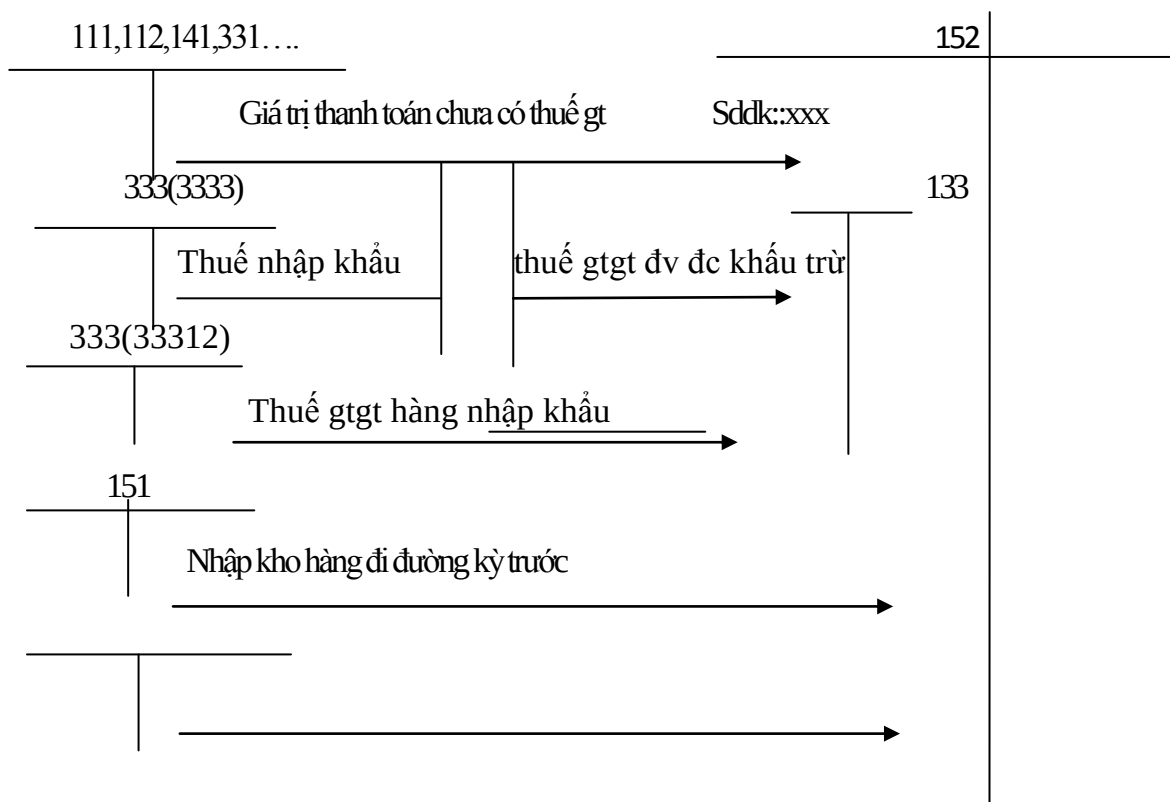
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- _ Phiếu nhập kho
- _ phiếu xuất kho
- _ Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- _ Bảng kê mua hàng
- _ Bảng phân bổ NVL
- _ Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ
- _ Chứng từ khác của doanh nghiệp

1.2.2.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

* Kế toán tổng hợp theo phương pháp kê khai thường xuyên

- _ Tài khoản sử dụng: 152, 111, 112, 331, 133,...
- _ Sơ đồ kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



154

Nhập kho do tự chế hay do thuê ngoài gia công chế biến

411

Nhập kho do nhận vốn góp liên doanh cổ phần

128,222

nhập kho do nhận lại vốn góp liên doanh

338(3381)

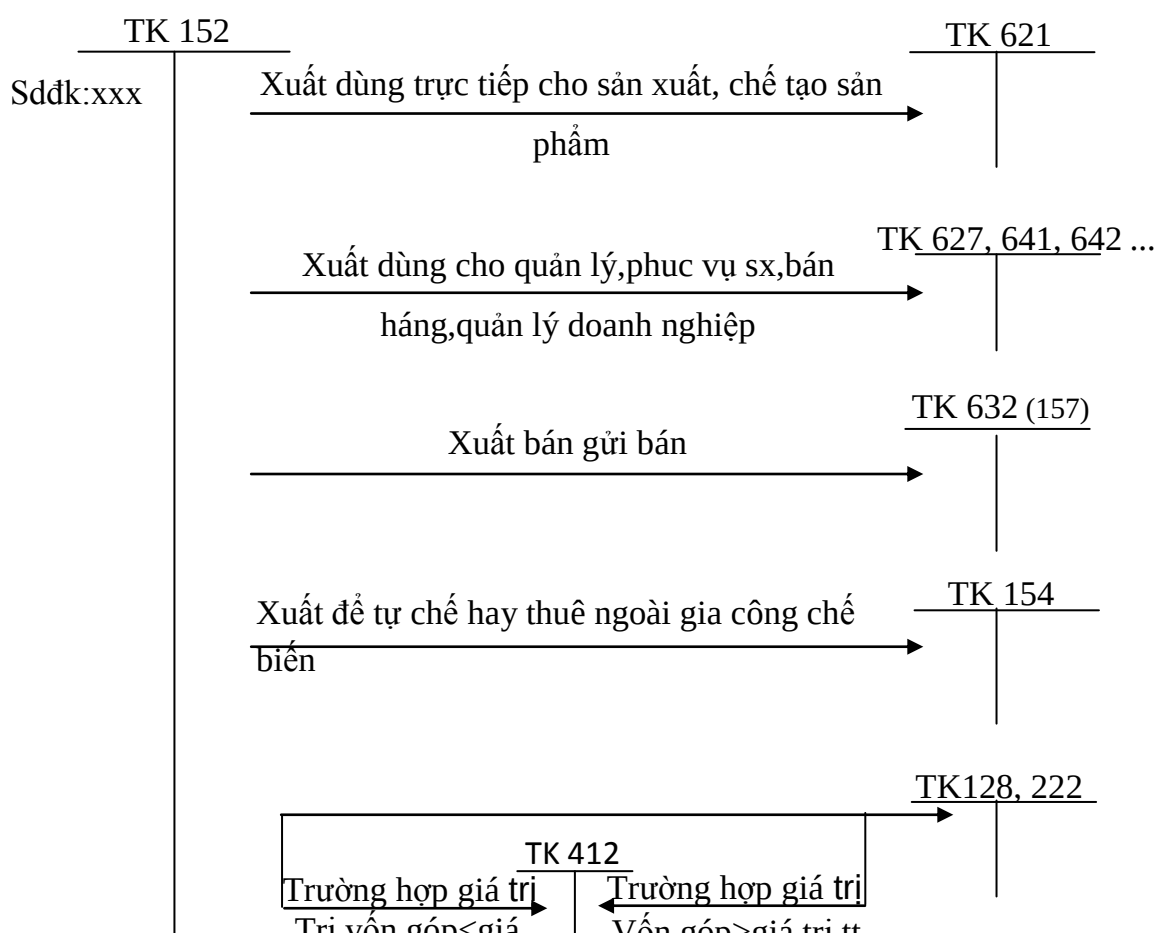
Phát hiện vật liệu thừa khi kiểm kê chờ xử lý

412

Chênh lệch tăng do đánh giá lại

sdck:xxx

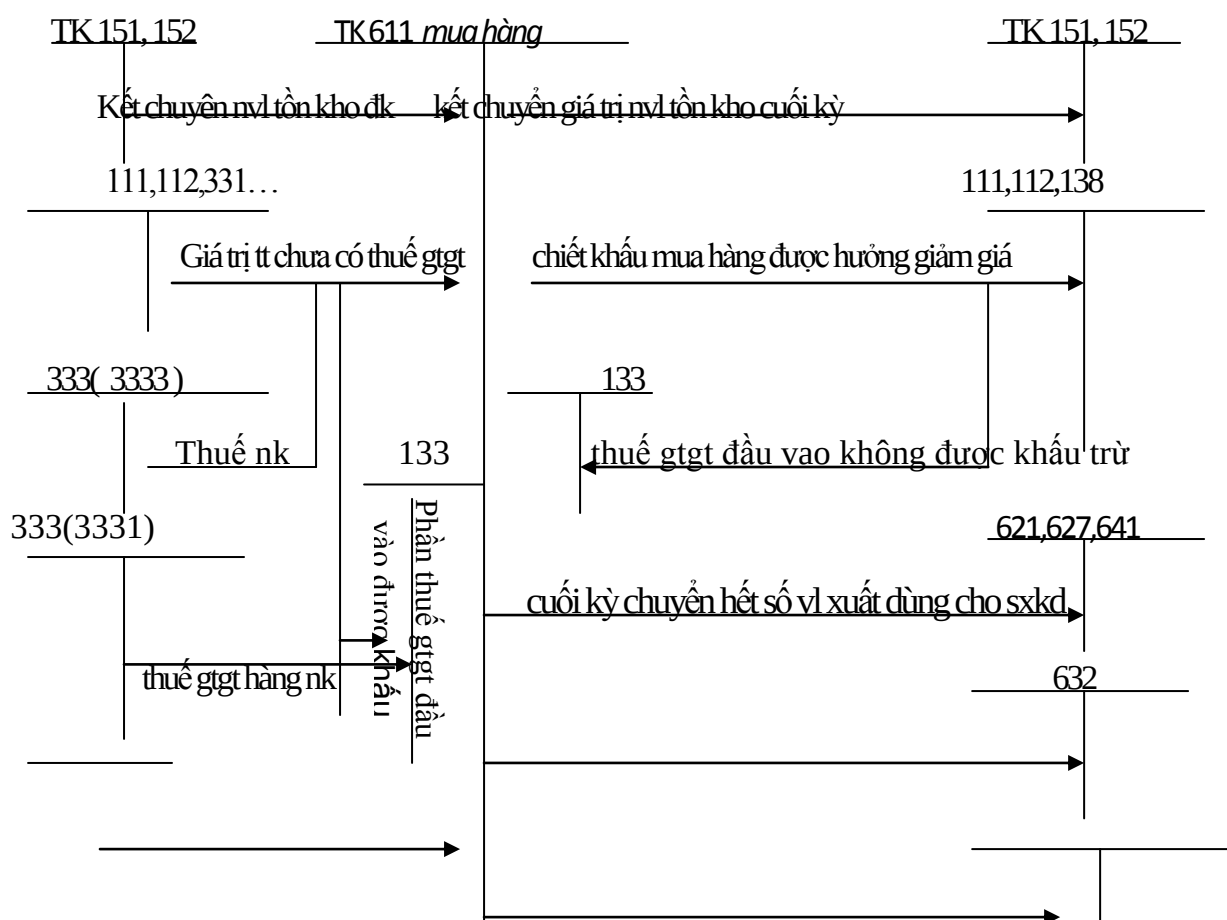
Hình 1_3:Sơ đồ kế toán tổng hợp nhập NVL.Trường hợp doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ



Hình 1_4:Sơ đồ hạch toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu theo phương pháp KCTX

*Kế toán tổng hợp theo phương pháp kiểm kê định kỳ

_ Tài khoản sử dụng: 611, 151, 152, 111, 112, 632



411	xuất kho vl để bán	
	Nhập kho do nhận góp vốn	111,138,334
	Vật liệu bị thiếu hụt mất mát	
412		412
	Chênh lệch tăng do đánh giá lại	chênh lệch giảm do đánh giá lại

Hình 1_5: Sơ đồ kế toán tổng hợp nhập, xuất NVL theo phương pháp KKĐK

1.3. Đặc điểm kế toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán

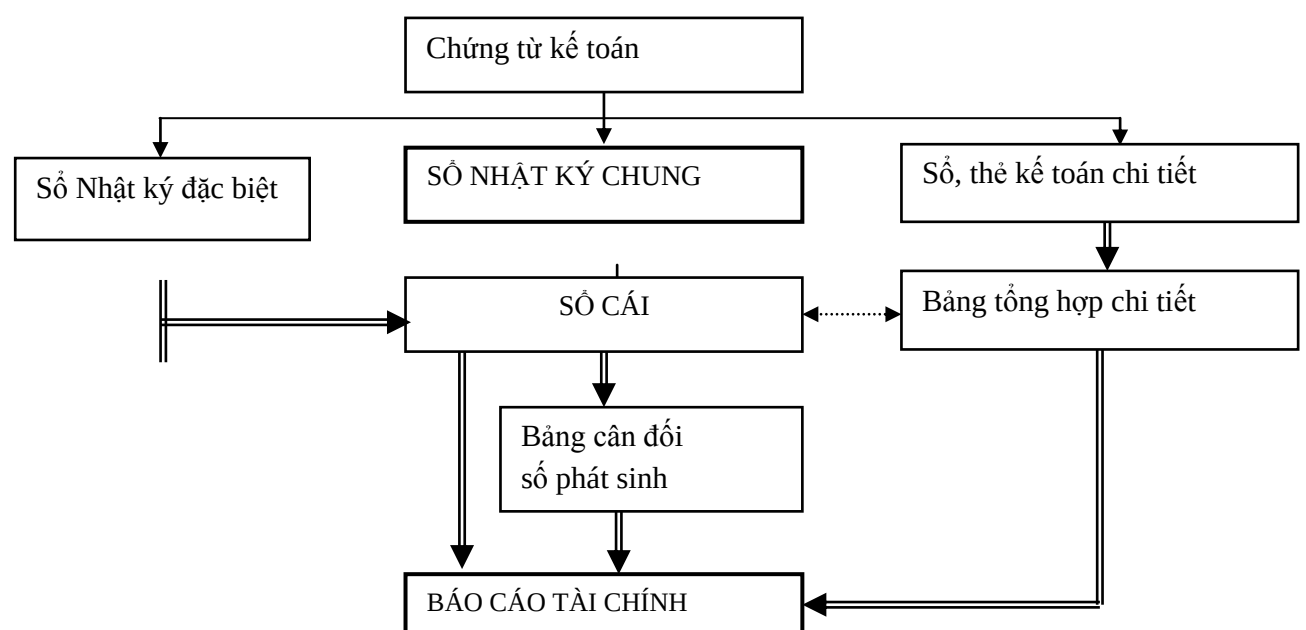
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo quan hệ đối ứng của các TK vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các TK liên quan

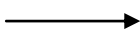
- Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công công việc

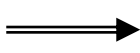
- Nhược điểm: Việc ghi chép bị trùng lặp nhiều

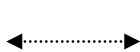
Sơ đồ 1_6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày 

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ 

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra 

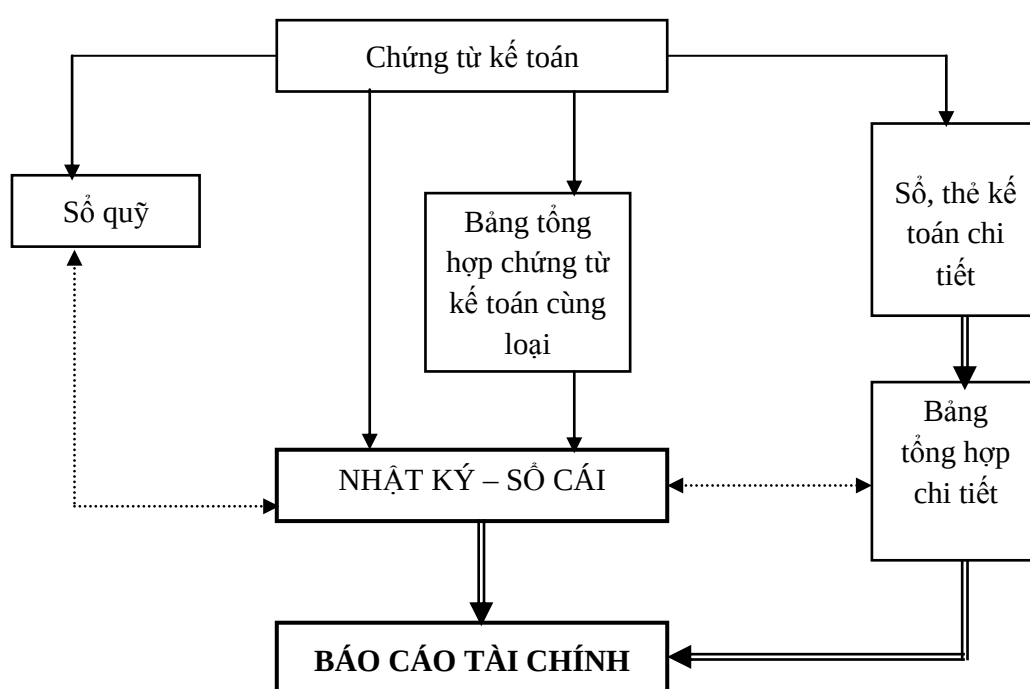
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

- Đặc điểm: sử dụng Sổ nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo hệ thống trên cùng một trang sổ

- Ưu điểm: sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu

- Nhược điểm: khó phân công công việc

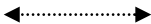
Sơ đồ 1_7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày 

Ghi cuối tháng 

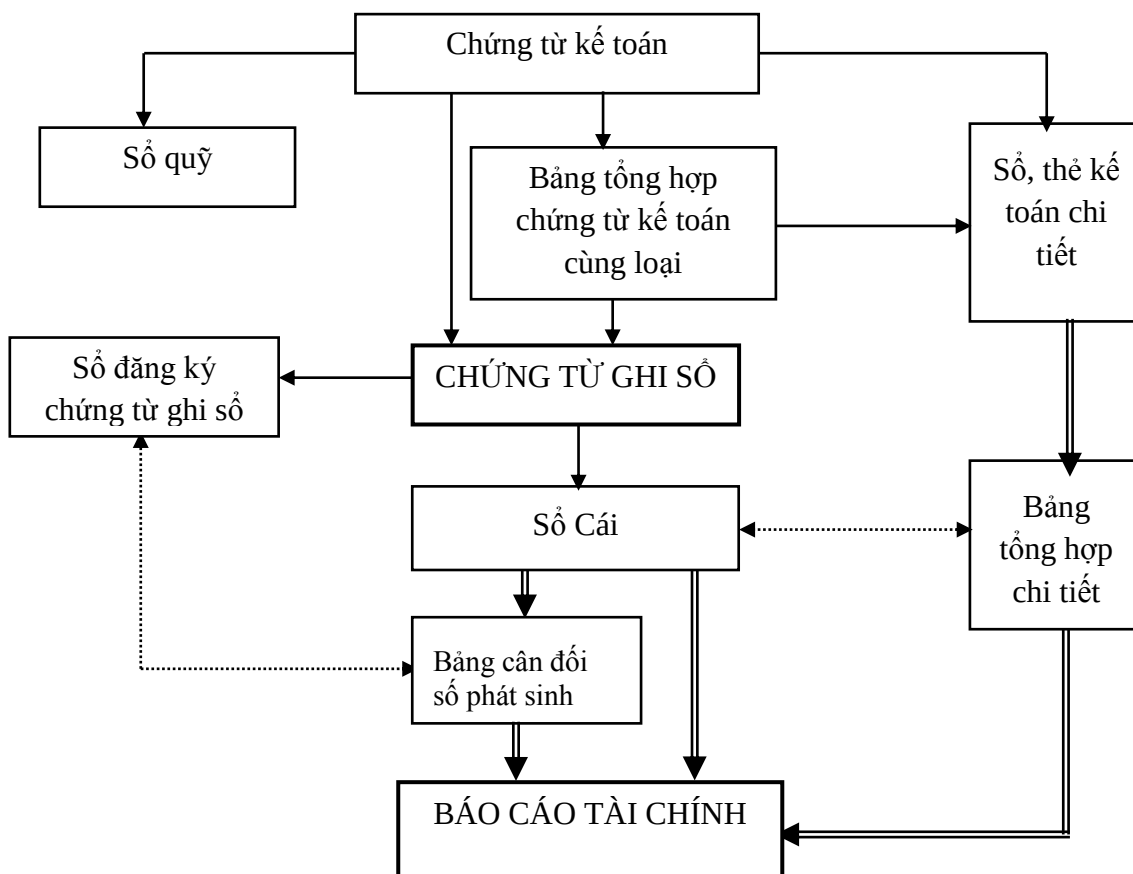
Đối chiếu, kiểm tra 

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái tài khoản
- Ưu điểm: Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu
- Nhược điểm: ghi chép con trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều

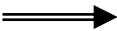
Sơ đồ 1_8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

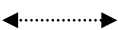
Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày 

Ghi cuối kỳ 

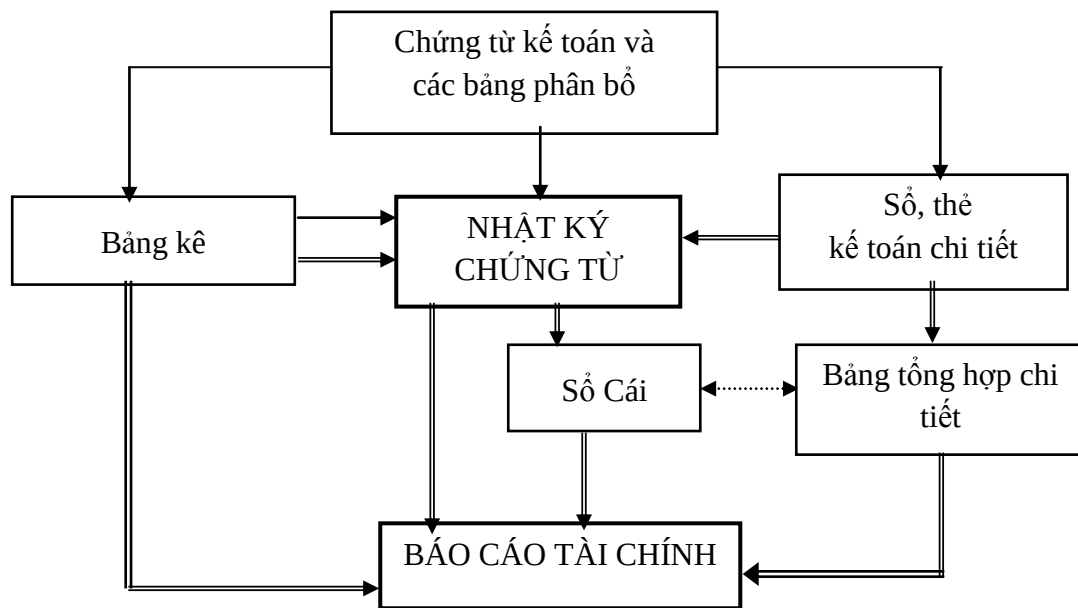
Đối chiếu, kiểm tra 

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào bảng kê và Nhật ký chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào sổ cái tài khoản
- Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo dõi quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra
- Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng, không thuận tiện cho việc tin học hoá công tác kế toán

Sơ đồ 1_9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Nhật ký - Chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

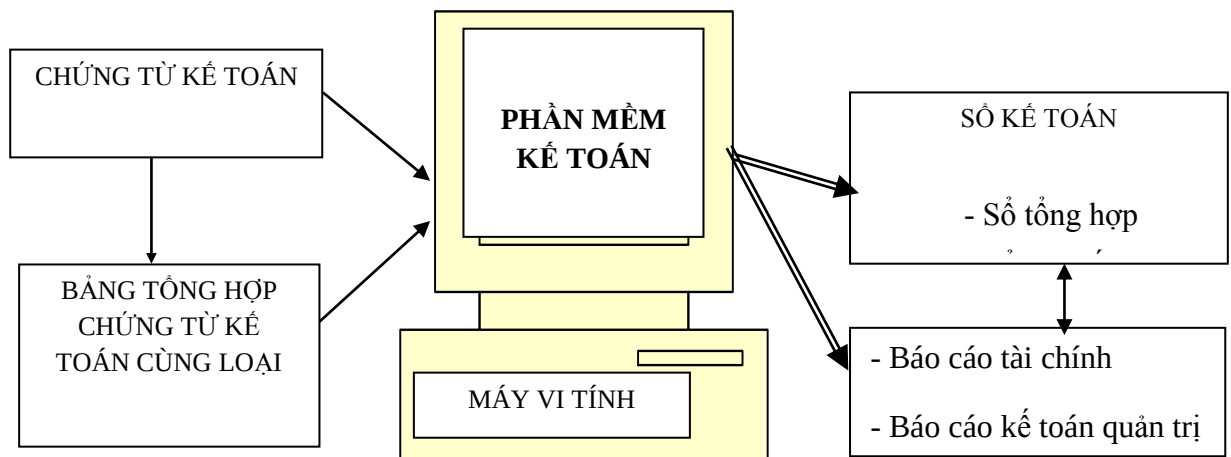
Ghi cuối tháng $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Sơ đồ 1_10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ◄.....> Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

2.1 Khái quát chung về công ty

2.1.1 Quá trình hình thành

Tên đầy đủ: **Công Ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại**

Tên giao dịch: **Pha Lai Thermal Power Join-stock Company**

Tên viết tắt: **PLPC**

Địa chỉ: **Thị trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương**

Điện thoại: **0320.3 881 126**

Fax: **0320.3881 338**

Số ĐKKD: **0406000001** Cấp ngày **29/4/2005** do **Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải**

Dương cấp

Tài khoản số: **421101110001** Ngân hàng **Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Chí Linh, Hải Dương.**

Vốn điều lệ: **3.262.350.000.000 đồng**

KL CP đang niêm yết: **326.235.000 cp**

KL CP đang lưu hành: **325.154.614 cp**

Thời điểm thành lập, các mốc lịch sử quan trọng trong quá trình phát triển.

Nhà máy Nhiệt Điện Phả Lại (nay là Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại) được thành lập theo QĐ số 22 ĐL/TCCB của Bộ Điện Lực ngày 26/04/1982, là doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc vào Công ty Điện Lực I.

Kể từ ngày 01 tháng 04 năm 1995 Nhà máy là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (theo QĐ số 121 NL/TCCB – LĐ ngày 04 tháng 03 năm 1995 của Bộ Năng Lượng) hạch toán phụ thuộc.

Ngày 30/03/2005 Bộ Công Nghiệp có quyết định số 14/2005 QĐ – BCN/TCCB chuyển Nhà Máy Nhiệt Điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, hạch toán độc lập - thuộc Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam. Ngày 18

tháng 5 năm 2005 Tổng Công ty Điện lực Việt Nam có văn bản số 2436/CV-EVN-TCKT hướng dẫn bàn giao tài chính khi chuyển các nhà máy điện thành Công ty hạch toán độc lập, Công ty TNHH một thành viên, theo đó Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại chính thức chuyển sang hạch toán độc lập từ ngày 01/7/2005.

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/01/2006

Ngày 15/5/2006, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty bắt đầu niêm yết với mã chứng khoán PPC ngày 19/05/2006 trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh. Tổ chức tư vấn: công ty chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam. Kiểm toán độc lập: công ty kiểm toán Việt Nam (VACO).

Công ty Nhiệt điện Phả Lại có 2 dây chuyền sản xuất riêng biệt. Dây chuyền I được chính thức khởi công xây dựng tháng 5/1980, với 4 tổ máy do Liên Xô chế tạo và giúp đỡ, công suất thiết kế là 440MW, mỗi tổ máy là 110MW. Tổ máy số 1 được đưa vào vận hành tháng 10/1983, lần lượt sau đó mỗi năm thêm một tổ máy được đưa vào vận hành, tổ máy số 4 được đưa vào vận hành tháng 11/1986. Dây chuyền II được khởi công xây dựng tháng 5/1998, với 2 tổ máy công suất thiết kế 600MW, mỗi tổ máy công suất 300MW. Tổ máy số 1 của dây chuyền II được đưa vào vận hành vào tháng 10/2001 và tổ máy số 2 đưa vào vận hành tháng 5/2002.

Tổng công suất của 2 dây chuyền sản xuất điện của công ty là 1040MW.

Căn cứ tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hoá theo quy định tại điều 3 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về chuyển Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần là: Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức quản lý và sản xuất kinh doanh

2.1.2.1 Công nghệ sản xuất

Công ty Nhiệt điện Phả Lại có 2 nhà máy sản xuất điện, gồm 6 tổ máy, với tổng công suất đặt là 1040 MW, trong đó:

✱ Nhà máy Phả Lại 1:

- Lò hơi:

- + Kiểu: BKZ-220-110-10C
- + Năng suất hơi: 220 tấn /h
- + Áp lực hơi: 100 kg/cm²
- + Nhiệt độ hơi quá nhiệt: 540 °C
- + Hiệu suất thô của lò: 86,05%
- + Nước sản xuất: Liên Xô

- Tua bin:

- + Kiểu: K 100-90-7
- + Công suất định mức: 110 MW
- + Áp suất hơi nước: 90kg/cm²
- + Nhiệt độ hơi nước: 535 °C
- + Nước sản xuất:: Liên Xô

- Máy phát:

- + Kiểu: TBΦ 120-2T3
- + Công suất: 120 MW
- + Nước sản xuất: Liên Xô

Nhà máy Phả Lại 1 gồm 4 tổ máy có tổng công suất là 440 MW được đưa vào vận hành năm 1983, 1984, 1985, 1986. Tổ máy 1, 2 đã được đại tu 5 lần; Tổ máy 3, 4 được đại tu 4 lần.

✱ Nhà máy Phả Lại 2:

Có 2 tổ máy với công suất mỗi tổ máy là 300 MW, được thiết kế và lắp đặt hệ thống điều khiển phân tán Distributed control system (DCS) tự động 100%, đây là một công nghệ điều khiển mới có độ tin cậy cao, tiên tiến và hiện đại. Thiết bị chính của nhà máy chủ yếu có xuất xứ từ các nước G7.

- Lò hơi:

- + Kiểu: Than phun, có QNTD, ngọn lửa chữ W
- + Năng suất hơi (định mức): 925 tấn /h
- + Áp lực hơi: 180 kg/cm²
- + Nhiệt độ hơi quá nhiệt: 541 °C
- + Hiệu suất thô của lò: 88,5%
- + Nước sản xuất: Anh

- Tua bin:

- + Kiểu: 270 T-422/423
- + Công suất định mức: 300 MW
- + Áp suất hơi nước: 169 kg/cm²
- + Nhiệt độ hơi nước: 538 °C
- + Nước sản xuất: Mỹ

- Máy phát:

- + Kiểu: 290T 422/423
- + Công suất định mức: 300 MW
- + Nước sản xuất: Mỹ

Khả năng có thể huy động công suất tối đa theo thiết kế.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại là doanh nghiệp sản xuất điện nên không có thứ phẩm, sản phẩm hỏng, sản phẩm dở dang, thời điểm sản xuất cũng là thời điểm tiêu thụ. Công ty vận hành 24/24 giờ, qui trình công nghệ sản xuất liên tục. Qui trình công nghệ sản xuất điện được mô tả như sơ đồ dưới đây.

Công ty nhận than từ các mỏ than ở khu mỏ Quảng Ninh về theo hai tuyến đường song và đường sắt. Than đường song được các cầu bốc lên từ hệ thống

băng tải đưa than vào kho hoặc vào hệ thống nghiền than, than đường sắt được chở bằng các tàu hoả, nhờ khoang lật toa dỡ tải đưa vào kho hoặc hệ thống

nghiên than. Than đã nghiền nhỏ được đưa vào để đốt lò. Công ty sử dụng loại dầu nặng (dầu FO) để khởi động lò hơi và để đốt kèm lò hơi khi bị sự cố. Khi than cháy cung cấp nhiệt cho các dàn ống sinh hơi xung quanh lò biến nước thành hơi, hơi nước được sấy trong bộ phận quá nhiệt thành hơi quá nhiệt đưa sang quay tuabin và kéo máy phát điện...

Điện được truyền đến trạm phân phối tải để đi tiêu thụ theo các mạch đường dây: Hà Nội, Hải Phòng, Lạng Sơn, Bắc Giang...

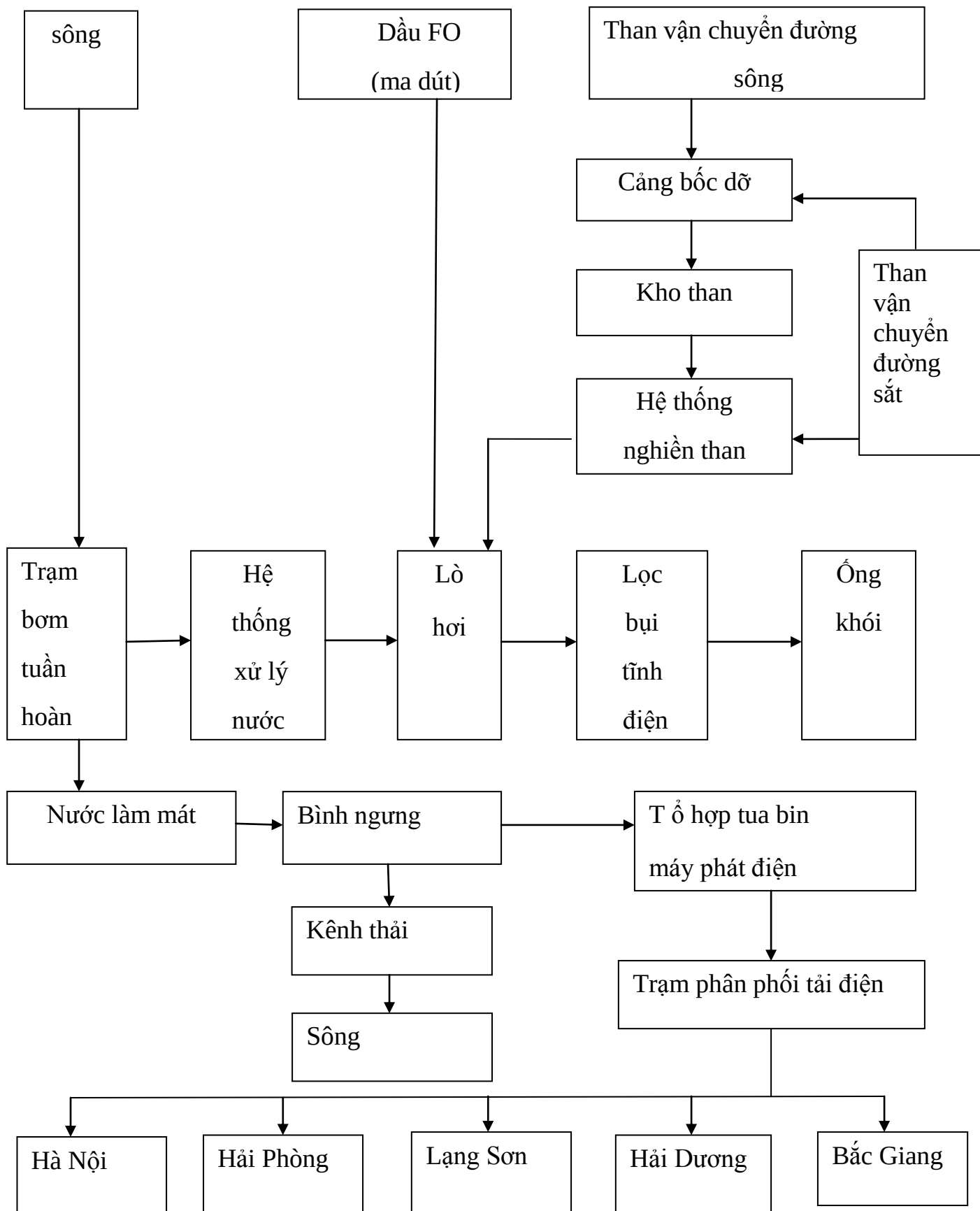
Hơi qua nhiệt sau khi sinh công làm quay tuabin sẽ đi xuống bình ngưng tụ, nhờ hệ thống nước tuần hoàn làm mát, hơi nước ngưng lại thành lượng nước ngưng và được bơm trở lại cho lò hơi. Trong quá trình tuần hoàn này lượng nước hao hụt được bổ sung bằng nước sạch bằng hệ thống xử lý nước. Nước tuần hoàn được các bơm tuần hoàn bơm từ sông vào làm mát các bình ngưng sau đó theo kênh thải ra sông.

Trong quá trình đốt lò có xỉ thải và khói thải, khói thải trước khi đưa ra ống khói được lọc bụi qua hệ thống lọc bụi tĩnh điện nhằm hạn chế sự ô nhiễm môi trường. Bụi tro và xỉ được đưa xuống mương chuyển về trạm bơm thải xỉ có nhiệm vụ bơm thải ra các hồ chứa xỉ ngoài Công ty

2.1.2.2 Qui trình công nghệ sản xuất

Sơ đồ số 2_1

Quy trình công nghệ sản xuất điện ở Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại



2.1.3 Cơ cấu bộ máy quản lý trong Công ty

- Hội đồng quản trị: 07 người
- Ban kiểm soát: 03 người
- Ban giám đốc công ty: 03 người

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ Công ty. trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng Cổ đông.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt Cổ đông để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty, kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty và thực hiện các công việc khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Giám đốc

Là người thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông.

Phó Giám đốc

Là người giúp việc cho Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và uỷ nhiệm của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền. công ty có 2 Phó Giám đốc, một phụ trách sản xuất và một phụ trách trung tâm sửa chữa và dịch vụ.

- Khối các đơn vị quản lý kỹ thuật - nghiệp vụ gồm: 06 đơn vị

+ Văn phòng : là đơn vị nghiệp vụ phục vụ tổng hợp trong Công ty, có chức năng tham mưu cho giám đốc Công ty và tổ chức thực hiện các công việc trong các lĩnh vực hoạt động quản lý về công tác: hành chính, văn thư – lưu trữ, quản lý xe hành chính, đối ngoại, quản trị, tuyên truyền...và các công tác phục vụ tổng khác như: công tác y tế, nấu ăn giữa ca, cấp phát bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật phục vụ người lao động trong Công ty, quản lý nhà khách và các công trình phúc lợi công cộng.

+ Phòng Tổ chức lao động: Thực hiện các chức năng tham mưu cho Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực quản lý về công tác tổ chức sản xuất, cán bộ, lao động - tiền lương, tuyển dụng và đào tạo, thi đua khen – thưởng - kỷ luật, thực hiện các chế độ chính sách với người lao động, theo dõi cổ đông của Công ty và công tác thanh tra.

+ Phòng Kế hoạch - vật tư: Giúp Giám đốc Công ty chỉ đạo xây dựng và thực hiện công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh, tham gia thị trường điện, công tác mua bán, xuất nhập khẩu và quản lý vật tư, thiết bị điện, nhiên liệu...công tác thẩm tra và xét duyệt dự toán, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê

công nghiệp để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và các công tác khác của Công ty.

+ Phòng Kỹ thuật: Thực hiện các chức năng quản lý kỹ thuật và sửa chữa thiết bị, công trình của Công ty, thực hiện các thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị, xây dựng phương thức và các chế độ vận hành tối ưu của các thiết bị, công tác kỹ thuật an toàn - bảo hộ lao động đáp ứng yêu cầu mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực công tác khác của Công ty.

+ Phòng Tài chính - Kế toán: Thực hiện các chức năng quản lý tài chính - vốn, thống kê - kế toán của Công ty nhằm quản lý các nguồn vốn của Công ty bao gồm phần vốn góp của Tổng công ty Điện Lực Việt Nam và vốn góp của các cổ đông cũng như nguồn vốn khác để thực hiện nhiệm vụ mục tiêu sản xuất - của Công ty trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả và đúng qui định của Nhà Nước.

+ Phòng Bảo vệ: Thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an toàn tài sản, an toàn sản xuất, giữ gìn an ninh trật tự trong Công ty, trực cửa hoả, tự vệ quân sự địa phương và các nhiệm vụ có liên quan.

- Khối các đơn vị sản xuất điện: Là các đơn vị sản xuất thực hiện nhiệm vụ quản lý vận hành toàn bộ các thiết bị trong dây chuyền công nghệ sản xuất điện cũng như các thiết bị phục vụ phụ trợ có liên quan.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm tổ chức sản xuất và yêu cầu quản lý tài chính, theo khối lượng công việc, công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Tất cả các công việc kế toán tập trung ở phòng Tài chính - Kế toán. Ở phân xưởng và các tổ đội sản xuất chỉ làm nhiệm vụ thống kê, ghi chép ban đầu như việc tính giờ công, ngày công và theo dõi nguyên vật liệu, đưa vào sản xuất. Hiện nay do yêu cầu sản xuất và nhân lực hiện có, đồng thời đảm bảo

việc thực hiện nhiệm vụ cũng như đảm bảo sự lãnh đạo và chỉ đạo thống nhất của kế toán trưởng.

Bộ máy kế toán của công ty gồm 14 người được phân công đảm nhiệm các phân hành kế toán khác nhau:

- Trưởng phòng kế toán: Do đại hội cổ đông bầu ra, là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước ban lãnh đạo công ty về tình hình tài chính của công ty. Trực tiếp quản lý các nhân viên trong phòng kế toán; giúp giám đốc về mặt cân đối tài chính của công ty; tham mưu đặc lực về việc sử dụng vốn kinh doanh thế nào cho hiệu quả nhất.

- Phó phòng kế toán: Kiểm tra, rà soát toàn bộ tính hợp lý của các hóa đơn, chứng từ, số liệu trước khi đưa lên kế toán trưởng, chịu trách nhiệm chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ.

- Kế toán tổng hợp: Ghi sổ chi tiết, sổ tổng hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, tính giá thành sản phẩm theo từng đơn đặt hàng, theo dõi tình hình tăng giảm tài sản, khấu hao tài sản. Hàng quý lập báo cáo tài chính lên cấp trên.

- Kế toán thanh toán với người cung cấp: Theo dõi các khoản công nợ tồn đọng đề xuất hướng xử lý với lãnh đạo, lập biên bản xác nhận công nợ.

- Kế toán tiền lương: Tính đúng số lương phải trả công nhân viên trong tháng, lập bảng phân bổ tiền lương để phân bổ chi phí nhân công vào giá thành sản phẩm.

- Kế toán tiền mặt: theo dõi tình hình tăng, giảm, thu, chi các khoản tiền, mặt.

- Kế toán nguyên vật liệu: Nhận phiếu nhập kho, xuất kho, kiểm tra thẻ kho, ký nhận, nhập dữ liệu và hạch toán vào máy tính, kiểm tra, đối chiếu các số liệu liên quan, tham gia kiểm kê kho...

- Kế toán tài sản cố định: Theo dõi sự tăng giảm TSCĐ, trích khấu hao hàng tháng, lập và lưu trữ các chứng từ liên quan đến TSCĐ.

- Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ: Phản ánh đầy đủ chính xác chi phí sửa chữa lớn TSCĐ hàng tháng để tính vào giá thành sản xuất điện. Theo dõi và ghi chép đầy đủ chi phí phát sinh của các công trình sửa chữa lớn, lập quyết toán các công trình sửa chữa lớn.

- Kế toán BHXH, BHYT, KPCĐ: Tính đúng, tính đủ số BHXH, BHYT, KPCĐ. Tính phần BHYT, BHXH mà CBCNV phải nộp và phân bổ vào giá thành.

- Kế toán tiêu thụ: Tiếp nhận hồ sơ chứng từ bán hàng, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lý, hợp lệ của hồ sơ, chứng từ. Lập chứng từ ghi sổ, hóa đơn bán hàng, lập báo cáo kết quả kinh doanh, chuyển báo cáo cho kế toán tổng hợp.

- Kế toán thuế: Tiếp nhận hồ sơ về thuế đầu vào và đầu ra từ các bộ phận có liên quan, làm báo cáo nộp cục thuế, lập tờ khai thuế, lập báo cáo thu nộp ngân sách, chuyển báo cáo cho kế toán tổng hợp.

- Kế toán sản xuất phụ: Tiếp nhận hồ sơ, chứng từ, lập bảng tính giá thành và kết quả tiêu thụ của các hoạt động sản xuất phụ, tham gia kiểm kê sản phẩm dở dang và hàng hóa tồn kho, lập báo cáo kiểm kê.

- Thu quỹ: Tiếp nhận và kiểm tra các chứng từ thu chi tiền mặt, thực hiện việc thu tiền, chi tiền, cập nhật chứng từ thu chi và báo cáo tình hình quy trong ngày...

- Nhân viên làm đại lý nhận lệnh chứng khoán: Nhận kết quả của phiên giao dịch hôm trước, vào sổ nhận kết quả giao dịch, nhập kết quả giao dịch cho từng khách hàng vào máy tính.

- Nhân viên theo dõi sổ cổ đông: Thực hiện trả cổ tức cho các cổ đông, thực hiện các quyền khác của cổ đông (quyền dự đại hội cổ đông, hưởng cổ phiếu thưởng, phát hành thêm...).

2.1.5 Hình thức kế toán áp dụng trong công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Hiện tại Công ty đang áp dụng hình thức ghi sổ Nhật Ký Chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày đều được đưa vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của các nghiệp vụ đó. Sau đó, số liệu được lấy trên các sổ nhật ký để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Nếu có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh cùng lúc thông qua các sổ nhật ký chuyên dùng, cuối tháng vào sổ cái. Kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết, đối chiếu số liệu giữa bảng tổng hợp chi tiết với sổ cái để lập các báo cáo kế toán.

Công ty đang sử dụng một số loại sổ kế toán chủ yếu sau:

* Sổ kế toán tổng hợp:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Các bảng tổng hợp

* Sổ kế toán chi tiết:

- Sổ chi tiết về tiền mặt: sổ này cung cấp 3 thông tin quan trọng về thu, chi tiền, tồn quỹ. Sổ này do thủ quỹ, nhân viên kế toán tiền mặt ghi và quản lý theo dõi.

- Sổ chi tiết theo dõi tiền gửi ngân hàng: Sổ này cung cấp 3 thông tin quan trọng về gửi vào, rút ra, còn lại về tiền gửi ngân hàng. Căn cứ để ghi sổ này là giấy báo nợ, báo có. Sổ chi tiết này được ghi cho từng ngân hàng và mở cho từng loại tiền.

- Sổ chi tiết về TSCĐ.

- Thẻ kho: Dùng để theo dõi khối lượng nhập, xuất, tồn kho NVL, CCDC, thành phẩm, hàng hóa ghi theo đơn vị đo lường hiện vật.

- Sổ chi tiết NVL, CCDC, hàng hóa, thành phẩm: Dùng để theo dõi khối lượng nhập, xuất, tồn kho NVL, CCDC, thành phẩm, hàng hóa ghi theo đơn vị đo lường là hiện vật và giá trị cho mỗi loại NVL, CCDC, hàng hóa, thành phẩm.

- Sổ chi tiết phải trả cho CNV.

- Sổ chi tiết chi phí: Sử dụng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154.

- Sổ chi tiết bán hàng (doanh thu).

- Sổ chi tiết phải thu khách hàng, phải trả người bán.

...

Công ty đang áp dụng hình thức kế toán máy đây là điều kiện thuận lợi cho kế toán thực hiện các phần hành của mình một cách chính xác, kịp thời, đồng thời giảm nhẹ được việc ghi chép sổ sách, tính toán và xử lý số liệu, lưu giữ số liệu, thiết lập và in ấn các báo cáo một cách nhanh chóng và khoa học..

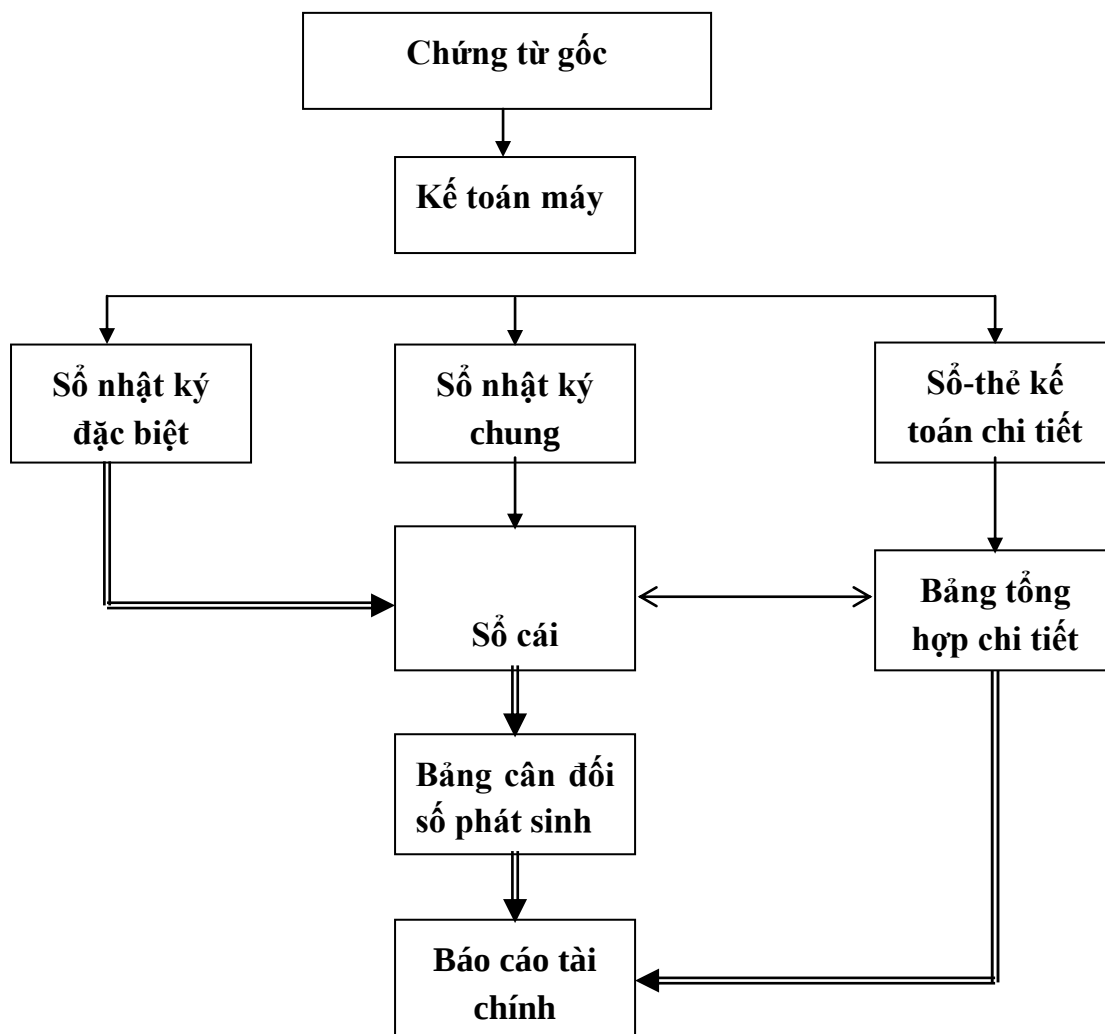
Hình thức tổ chức kế toán áp dụng trong Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại.

Cùng với sự chuyển hướng kịp thời trong công tác quản lý kinh tế, Công ty đã không ngừng củng cố và hoàn thiện chế độ hạch toán kế toán doanh nghiệp sản xuất. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, phân tích hoạt động kinh tế, từng bước cải thiện và tăng cường công tác kế toán.

Để theo dõi quá trình hạch toán kế toán Công ty đã sử dụng các tài khoản cấp 1 và chi tiết, và việc hạch toán của Công ty được áp dụng theo hình thức “ Nhật ký chung ”.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc (phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi, hóa đơn bán hàng....) kiểm tra, đối chiếu với các sổ kế toán chi tiết, và lấy số liệu tổng hợp của nhật ký chung ghi trực tiếp vào sổ cái.

Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu số liệu, sử dụng bảng cân đối phát sinh và các bảng tổng hợp chi tiết để lập bảng cân đối kế toán và báo cáo kế toán.



Sơ đồ 2 2:Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày
 ==→ Ghi cuối tháng
 ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Các chính sách kế toán áp dụng.

Chế độ kế toán áp dụng: Theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp và Chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Điện Lực Việt Nam được Bộ tài chính chấp thuận theo văn bản 7444/BTC-CĐKT ngày 20/06/2006 của Bộ tài chính.

- Hình thức: Kế toán máy
- Kỳ kế toán: Hàng tháng
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 1/1 hàng năm, và được kết thúc vào ngày 30/12 năm đó.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VNĐ
- Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ: Theo tỉ giá thanh toán liên ngân hàng NNVN tại thời điểm ghi sổ
- Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: Đánh giá theo nguyên giá và khấu hao lũy kế. Nguyên giá gồm giá mua trên hóa đơn và các chi phí liên quan như lắp đặt, chạy thử.
- Phương pháp tính khấu hao: Khấu hao theo đường thẳng.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- Phương pháp kế toán chi tiết NVL: Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song.
- Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp áp dụng theo QĐ số 15 ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính ban hành theo đúng chế độ.
- Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại có áp dụng kế toán máy trong hạch toán, Công ty sử dụng phần mềm kế toán máy với tên gọi FMISApplications, đây là chương trình được xây dựng theo dự án nâng cấp hệ thống thông tin tài chính kế toán của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu: Tuân thủ các điều kiện của chuẩn mực số 14.
- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

Các báo cáo định kỳ được Công ty sử dụng.

Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Điện Lực Việt Nam (Tổng công ty nắm giữ 78.41% cổ phần). Do vậy, báo cáo tài chính của Công ty được lập và nộp cho ban tài chính của Tổng công ty Điện Lực Việt Nam và các đơn vị khác có liên quan. Các báo cáo này đều theo mẫu của EVN nhưng cũng không nằm ngoài chế độ kế toán của Nhà Nước ban hành...

2.2 Thực trạng công tác tổ chức kế toán tại công ty.

2.2.1 Thực trạng công tác kế toán của Công ty.

Để thuận tiện cho việc theo dõi, vào sổ, hạch toán, và quản lý, chương trình có 3 phân hệ chủ yếu: Chương trình kế toán sản xuất kinh doanh, Chương trình kế toán vật tư, Chương trình kế toán TSCĐ. Có thể khái quát trình tự hoạt động và phương pháp quản lý các phần mềm này như sau:

* Chương trình quản lý TSCĐ: Chương trình thực hiện quản lý các danh mục TSCĐ theo từng loại tài sản, nguồn vốn, từng đơn vị sử dụng, mục đích sử dụng (Dữ liệu nguồn tài sản cố định của công ty được cập nhật lần đầu tiên theo quyết định phê duyệt quyết toán Công ty của Bộ tài chính, nhập số lượng, tên TSCĐ, mã số TSCĐ, nguồn vốn, thời gian sử dụng, nguyên giá, mức khấu hao...) và cập nhật tăng, giảm TSCĐ nếu có, hàng tháng chương trình sẽ tự động trích khấu hao theo từng loại vào giá thành sản phẩm điện theo mục đích sử dụng của từng loại tài sản đó. Phương pháp khấu hao được áp dụng theo quyết định 206-BTC.

* Chương trình quản lý vật tư: Chương trình quản lý vật tư của Công ty do Trung tâm công nghệ thông tin của EVN xây dựng hoàn thiện và được EVN cho phép thực hiện trong toàn ngành điện từ năm 2001.

Toàn bộ các loại danh mục vật tư của Công ty được mã hóa theo một bộ mã số quy định trong toàn ngành điện. Hàng tháng căn cứ vào hóa đơn mua hàng, các phiếu đề nghị lĩnh vật tư phục vụ sản xuất của các đơn vị trong Công ty, thống kê của phòng KHVT thực hiện lập và in phiếu vật tư, phiếu xuất vật tư phát sinh và đồng thời chuyển các phiếu nhập, xuất vật tư cho phòng tài chính kế toán

(các bản in của các PN, PX đã được ký đầy đủ), các bộ phận kế toán có liên quan căn cứ theo PN, PX tiến hành định khoản các PN, PX trên máy tính (Dữ liệu của chương trình đã được nối mạng) hạch toán theo các nghiệp vụ phát sinh.

Việc tính toán đơn giá vật tư xuất kho được chương trình quản lý vật tư thực hiện theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm khi thống kê vật tư lập phiếu xuất kho trên máy tính.

Đến cuối tháng chương trình sẽ chuyển toàn bộ các PN, PX đã được định khoản sang chương trình kế toán để chương trình kế toán thực hiện lập và tổng hợp lên báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

* Chương trình kế toán sản xuất kinh doanh: Hiện tại, Công ty đang áp dụng phần mềm kế toán FMISApplications, đây là chương trình được xây dựng theo dự án nâng cấp hệ thống thông tin tài chính kế toán của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam.

Việc áp dụng hạch toán trên máy tính là điều kiện thuận lợi cho kế toán thực hiện các phần hành của mình được kịp thời, chính xác phục vụ nhạy bén yêu cầu quản lý của lãnh đạo Công ty và EVN. Đồng thời giảm nhẹ được việc ghi chép sổ sách, tính toán và xử lý số liệu, lưu giữ số liệu, thiết lập và in ấn các báo cáo kế toán một cách nhanh chóng và khoa học.

Để thuận tiện trong quá trình theo dõi cụ thể từng đối tượng quản lý, kế toán Công ty đã tiến hành mã hóa các đối tượng quản lý, cụ thể:

Mã hóa danh mục tài khoản

Để tập hợp các số liệu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như việc hình thành các thông tin cần thiết cho quản lý, Công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản tương đối đầy đủ theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính. Tuy nhiên với đặc thù của một doanh nghiệp Nhà nước kinh doanh điện, hệ thống tài khoản của Công ty cũng có một số khác biệt, theo sự chỉ đạo thống nhất của EVN và có thêm một số tài khoản cấp II phục vụ cho quản lý. Để đáp ứng đồng thời cả hai yêu cầu cung cấp thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị, Công ty đã tổ chức xây dựng được hệ thống danh mục tài khoản chi tiết bao gồm nhiều cấp để quản lý đến từng vật tư hàng hóa, tài sản, quản lý từng đối tượng chi phí, từng đơn vị khách hàng, từng công trình sửa chữa... về cả giá trị và hiện vật; quản lý việc xác định kết quả tương ứng theo từng loại hoạt động... Ví dụ như:

+ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu được mở chi tiết cho từng loại vật liệu, nguyên liệu, đồng thời có thêm một số tài khoản cấp II, cấp III.

TK 1521

Nhiên liệu

- TK 15211

Dầu Diezen

- TK 15212	Dầu DO
- TK 15213	Dầu điện từ DK 0.31
- TK 15214	Dầu CN50
- TK 15215	Dầu CN 20
- TK 15216	Dầu biến thế
- TK 15217	Xăng
- TK 15218	Nhiên liệu khác
TK 1522	Nguyên liệu, vật liệu
- TK 15221	Nguyên liệu, vật liệu chính
+ TK 152211	Than
+ TK 152212	Dầu FO
- TK 15222	Vật liệu phụ
+ TK 152221	Axit Citric PA $C_6H_8O_7H_2O$
+ TK 152222	Axit ascorbic AR $C_6H_8O_6$
+ TK 152223	Mỡ
+ TK 152224	Thép
+ TK 152225	Sơn cách điện
TK 1523	Phụ tùng
TK 1524	Vật liệu và thiết bị XD CB
TK 1525	Phế liệu
TK 1528	Vật liệu khác

+ TK 153: Công cụ, dụng cụ

TK 153	Công cụ, dụng cụ
- TK 1531	Ắc quy
- TK 1532	Bảng cách điện
- TK 1533	Ghen chịu nhiệt $\tau=1$
- TK 1534	Bảng lựa vàng
- TK 1535	Bảng thủy tinh
- TK 1536	Nút bấm phòng nổ
- TK 1537	Que hàn
- TK 1538	CCDC khác

+ TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có thêm một số tài khoản cấp II, cấp III, IV, V, VI.

TK 15412	Nhiệt điện chạy than
- TK 154121	Nhiên liệu

+ TK 1541211	Than
+ TK 1541213	Dầu FO
- TK 154122	Vật liệu phụ
+ TK 15412224	Hóa chất dùng trong sản xuất
+ TK 1541226	Bì nghiền
- TK 154123	Lương công nhân
+ TK 1541231	Tiền lương
+ TK 1541232	BHXN H, BHYT, KPCĐ
- TK 1541272	Vật liệu phân xưởng
- TK 1541273	Công cụ, dụng cụ sản xuất
- TK 1541274	Khấu hao cơ bản TSCĐ
- TK 1541276	Chi phí sửa chữa TSCĐ
+ TK 15412761	Sửa chữa lớn
+ TK 15412762	Sửa chữa thường xuyên
- TK 15411272	Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 15411279	Chi phí sản xuất chung khác
+ TK 152112791	Kỹ thuật an toàn
+ TK 154112794	Hoa hực nhiên liệu trong định mức
+ TK 627: Chi phí sản xuất cũng được chi tiết	
- TK 6271	Chi phí nhân viên phân xưởng
+ TK 62711	Tiền lương nhân viên phân xưởng
+ TK 62712	BHYT, BHXH, KPCĐ của NVQL
+ TK 62711294	Hao hực nhiên liệu trong định mức
- TK 6272	Chi phí vật liệu phân xưởng
- TK 6273	Chi phí dụng cụ phân xưởng
- TK 6274	Chi phí KHTSCĐ dùng trong quản lý
- TK 6276	Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ
+ TK 62761	Sửa chữa lớn
+ TK 62762	Sửa chữa thường xuyên
- TK 6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6279	Chi phí sản xuất chung khác

- Mã hóa danh mục khách hàng:

Danh mục khách hàng được xây dựng để quản lý toàn bộ các khách hàng có quan hệ với các đơn vị kế toán. Các khách hàng ở đây có thể hiểu là toàn bộ các đối tượng có quan hệ công nợ phải thu hoặc phải trả trong giao dịch mua bán vật tư, hàng hóa, ...hoặc trong các giao dịch về tín dụng hay trong quan hệ thanh toán tạm ứng...Theo đó các đối tượng này có thể là các khách hàng, nhà cung cấp, các đối tượng cho vay,..Theo yêu cầu quản lý của Công ty nói riêng

và Tập đoàn Điện Lực nói chung, việc phân loại và gán mã nhóm và mã từng khách hàng trong nhóm (kiểu mã mẹ - con). Các khách hàng có cùng tiêu thức được phân thành một nhóm khách hàng có cùng một mã. Tuy nhiên, mỗi khách hàng có những đặc điểm riêng biệt. Vì vậy, ngoài việc quản lý theo mã, tên khách hàng, theo nhóm khách hàng, từng khách hàng còn được miêu tả chi tiết hơn thông qua các thuộc tính được thiết kế ở danh mục khách hàng như: địa chỉ, điện thoại, e-mail, fax, mã số thuế GTGT, số TK giao dịch ở ngân hàng và ngân hàng mở TK, thời hạn thanh toán, đặt sẵn TK ngầm định,...

Ví dụ:

+ KH 0067: XN XLVT và VLXD Đông Triều

+ KH 0068: Công ty than Vàng Danh

+ KH 0069: Xí nghiệp sàng tuyển và cảng

...

+ KH 0070: Công ty DC và KT khoáng sản

+ KH 0073: Công ty cổ phần thương mại Đại Dương

...

+ PB 001: Phòng tổ chức

+ PB 002: Phòng kế hoạch - vật tư

+ PB 003: phòng kỹ thuật

...

+ KC 0868: Hợp đồng ủy thác đầu tư với PVEC

+ KC 0870: Góp vốn Công ty cổ phần Nhiệt Điện Hải Phòng

- Ngoài ra, Công ty còn mã hóa danh mục hợp đồng, danh mục nhân viên, danh mục TSCĐ, danh mục khoản mục,...

- Hàng ngày, căn cứ vào các Chứng từ gốc như: hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi...kế toán vào sổ Nhật ký chung hoặc sổ Nhật ký đặc biệt, đồng thời với những tài khoản có theo dõi chi tiết kế toán tiến hành vào sổ, thẻ kế toán chi tiết. Với phần mềm kế toán FIMSApplications các nghiệp vụ sẽ được phản ánh trong Sổ Nhật Ký Chung hoặc Nhật ký đặc biệt sẽ được chuyển đồng thời vào sổ cái các tài khoản có liên quan, sổ thẻ kế toán chi tiết, Bảng cân đối sổ phát sinh và Báo cáo kế toán cuối kỳ.

2.2.2 Tình hình công tác hạch toán nguyên vật liệu tại công ty.

2.2.2.1 Đặc điểm nguyên vật liệu

Là một Công ty sản xuất điện thuộc loại lớn của ngành điện lực Việt Nam, chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng sản lượng quốc gia (trong ngành nhiệt

điện thì nhiệt điện Phả Lại là con chim đầu đàn, do vậy mà nhà máy sử dụng khối lượng, chủng loại vật tư tương đối lớn, riêng nhiên liệu và vật liệu phụ chiếm khoảng 70-80% trong giá thành điện, chi phí này hàng năm lên tới hàng trăm tỷ đồng. Có rất nhiều loại vật liệu khác nhau, được sử dụng trong quá trình sản xuất như hàng triệu tấn than cám, hàng ngàn tấn dầu ma rút được sử dụng hàng năm. Riêng hai loại nguyên liệu này chiếm khoảng 60% trong giá thành. Ngoài ra còn có dầu DIEZEL, xăng các loại, dầu tua bin TH- 32, dầu nhờn các loại, dây điện các loại, xút, axít và các hoá chất khác, vòng bi, van, bu lông và các vật liệu khác. Trong những loại vật tư đó có những loại phải đặt hàng mua của nước ngoài trị giá hàng triệu USD.

Do tổ chức quản lý, tình hình thu mua và sử dụng vật liệu vô cùng khó khăn. Đòi hỏi cán bộ kế toán vật liệu ở phòng kế toán phải có trình độ, trách nhiệm cao trong công việc. Mặt khác vật liệu sử dụng của Công ty thường là loại quý và khan hiếm. Nhiều mặt hàng trong nước không tự sản xuất được mà phải nhập ngoại như : Vòng bi đặc chủng, hoá chất, hạt phân nước (hạt cation) thiết bị điện, băng tải ...

Có loại rất công kênh và nặng như băng tải, vật liệu xây dựng, gang thép có loại dễ bốc hơi như hoá chất, xăng dầu, có loại rất dễ han rỉ như : bu lông, ê cu và sắt thép ...

Từ những đặc điểm trên của vật liệu, đòi hỏi nhà máy phải có hệ thống kho tàng đủ tiêu chuẩn quy định để đảm bảo cho việc bảo quản hệ thống kho tàng bao gồm: kho thiết bị điện, kho xăng dầu, mỡ, hoá chất, kho vật liệu xây dựng, kho cơ khí và phụ tùng thay thế là những kho thuộc phòng vật tư những đặc điểm trên của vật liệu, đòi hỏi nhà máy phải có hệ thống kho tàng bao gồm: kho thiết bị điện, kho xăng dầu, mỡ, hoá chất, kho vật liệu xây dựng, kho cơ khí và phụ tùng thay thế là những kho thuộc phòng vật tư quản lý, ngoài ra còn có kho than do phân xưởng cung cấp nhiên liệu quản lý, lượng than dự trữ trong kho này thường xấp xỉ trên, dưới 100 ngàn tấn than cám, kho dầu ma zút do phân xưởng lò máy quản lý, lượng dầu dự trữ trong kho này cũng hàng ngàn tấn.

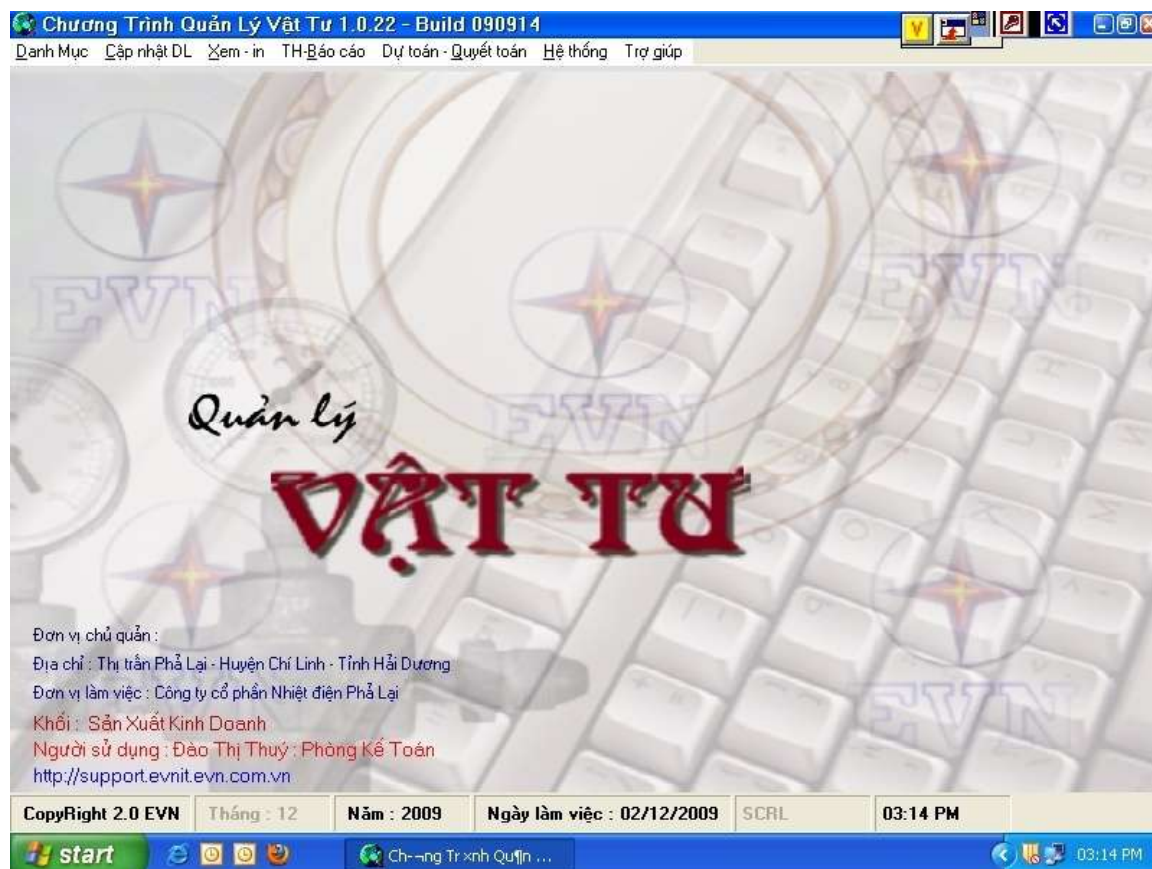
Từ những đặc điểm của vật liệu sử dụng ở Công ty Nhiệt điện Phả Lại trên đây là những khó khăn lớn trong việc bảo quản, nhập, xuất và hạch toán chi tiết vật liệu. Muốn quản lý khối lượng và chủng loại vật liệu lớn như vậy, đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp quản lý ở tất cả các khâu có như vậy mới đảm bảo cung cấp một cách đầy đủ và đúng chất lượng vật liệu cho quá trình sản xuất, tạo điều kiện cho nhà máy hoạt động liên tục, đáp ứng công thức cũng như nhiệm vụ sản xuất điện mà Tổng công ty điện lực giao cho. Trong đó

công tác kế toán vật liệu là biện pháp vô cùng quan trọng và không thể thiếu được .

Những điều trên cho thấy chi phí vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất điện, chỉ cần sự thay đổi nhỏ về số lượng, giá mua của vật liệu cũng ảnh hưởng tới giá thành sản xuất điện.

Trong đơn vị, việc quản lý vật tư do nhiều bộ phận tham gia nhưng việc quản lý tình hình nhập, xuất, tồn vật liệu, công cụ dụng cụ hàng ngày được thực hiện ở bộ phận kho, phòng vật tư và phòng kế toán. Trên cơ sở các chứng từ kế toán về nhập, xuất vật tư phát sinh hàng ngày, các bộ phận có liên quan như thủ kho, thống kê vật tư, kế toán vật liệu tiến hành ghi chép, theo dõi hạch toán chính xác, kịp thời theo từng nhóm, loại vật liệu theo nghiệp vụ chuyên môn của mình. Bằng việc tổ chức kế toán chi tiết vật liệu kết hợp giữa kho và phòng kế toán, Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại đã đáp ứng được yêu cầu quản lý và theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn kho cho từng thứ, từng loại vật liệu cả về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại đã áp dụng máy vi tính và phần mềm kế toán vật tư để trợ giúp cho việc tính toán, ghi sổ nên việc áp dụng phương pháp này đã được thực hiện đơn giản, dễ dàng và thuận lợi hơn.



2.2.2.2 Phân loại nguyên vật liệu

Vật liệu sử dụng trong Công ty gồm nhiều loại khác nhau về công dụng, tính năng, lý hoá học, phẩm cấp, chất lượng, để giúp công tác hạch toán chính xác một khối lượng vật liệu nhiều chủng loại, kế toán vật liệu của Công ty đã tiến hành phân loại vật liệu. Việc phân loại vật liệu phải dựa vào tiêu thức: mỗi loại, nhóm tương ứng phù hợp, Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại đã tiến hành phân loại vật liệu trên cơ sở công dụng của từng thứ, loại vật liệu đối với quá trình sản xuất sản phẩm. Nhờ có sự phân loại vật liệu này mà kế toán vật liệu có thể theo dõi tình hình biến động của từng thứ, loại vật liệu, do đó có thể cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho việc lập kế hoạch thu mua và dự trữ vật liệu .

Vật liệu ở Công ty được phân loại chủ yếu như sau:

+ *Nhiên liệu (TK 1521):* là các loại mà khi sử dụng nó có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất, đó là các loại dầu như: Dầu diezen, Dầu DO, Dầu điện từ DK 0.31, Dầu CN50, Dầu CN20, Dầu biến thế, Xăng, ...

+ *Vật liệu chính (TK 15221):* đó là các loại than cám 4 & 5, dầu ma zút dùng để đốt lò hơi các vật liệu trên đối với nhà máy nó là vật liệu chính. Kho than cám do phân xưởng cung cấp nhiên liệu quản lý, quản đốc giữ vai trò là thủ kho (60% giá thành).

+ *Vật liệu phụ (15222):* Là đối tượng lao động nó tác dụng nhất định và cần thiết trong quá trình sản xuất như: Axit Citric PA $C_6H_8O_7H_2O$, Axit ascorbic AR $C_6H_8O_6$, Mỡ, Thép, Sơn cách điện,... một số vật liệu khác dùng để phục vụ sản xuất .

Ngoài than và dầu FO do 2 phân xưởng quản lý (thủ kho) ra thì những nguyên liệu còn lại như phụ tùng thay thế ... do phòng vật tư quản lý. Được chia thành 8 kho đó là: kho thiết bị điện, kho xăng dầu, mỡ, kho hoá chất kho vật liệu xây dựng, kho văn phòng phẩm, kho phế liệu, kho cơ nhiệt, kho phụ tùng. Mỗi kho có 1 thủ kho và 1 thống kê theo dõi.

DANH MỤC NVL VÀ CÁCH PHÂN NHÓM NVL TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

STT	Danh điểm	Tên, nhãn hiệu quy cách	ĐVT	Ghi chú
1	NL-0001	Dầu Diezen	Tấn	
2	NL-0002	Dầu DO	Tấn	
3	NL-0003	Dầu điện từ DK 0.31	Tấn	
4	NL-0004	Dầu CN20	Tấn	
5	NL-0005	Dầu CN50	Tấn	

...	...	...		
20	NLC-01	Than	Tấn	
21	NLC-02	Dầu FO	Tấn	
22	VLP-0001	Axit Citric PA $C_6H_8O_7H_2O$	lít	
23	VLP-0002	Axit ascorbic AR $C_6H_8O_6$	lít	
...	...	...		
110	VLP-0187	Sơn cách điện	thùng	
...	...	...		

2.2.2.3 Đánh giá nguyên vật liệu tại Công ty.

Phương pháp đánh giá là sử dụng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của NVL theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu trung thực và tính thống nhất.

a. Đối với nguyên vật liệu nhập kho.

Tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại, nguyên vật liệu chủ yếu là mua từ nguồn bên ngoài, kế toán vật tư đánh giá nguyên vật liệu nhập kho theo giá thực tế.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí thu} & & \text{Các khoản giảm} \\ \text{NVL mua} & = & \text{thực tế (giá} & + & \text{mua} & - & \text{giá hàng mua} \\ \text{ngoài} & & \text{mua ghi trên} & & & & \text{được hưởng} \\ & & \text{hóa đơn)} & & & & \end{array}$$

Ví dụ 1: Ngày 12/10/2009 Công ty mua của Tổng Công ty Than Việt Nam 23.277,580 tấn than cám 5 từ Cẩm Phả với giá 405.500 đồng/tấn (theo hóa đơn 0005767, PNK số 10090010118), thuế GTGT 10% theo biên bản giao nhận tại cảng Công ty, số lượng thực nhận như trong hóa đơn.

- Chi phí vận chuyển là: 65.429,26 đồng/tấn.

- Hao hụt vận chuyển trong mức: 0,4%.

Vì là đơn vị sản xuất kinh doanh tính thuế theo phương pháp khấu trừ do đó giá thực tế NVL nhập kho không có thuế.

Vậy giá thực tế của 23.277,580 tấn than là:

Giá hóa đơn: $23.277,580 \times 405.500 = 9.439.058.690$ đồng.

Chi phí vận chuyển: $23.277,580 \times 65.429,26 = 1.523.034.835$ đồng.

Hao hụt định mức: $(23.277,580 \times 0.4\%) \times 405.500 = 37.756.234$ đồng.

Cộng: 10.999.849.759 đồng.

Ngoài ra:

- Đối với NVL nhập kho do Công ty tự gia công chế biến: thì giá NVL nhập kho chính là tổng giá thành sản xuất NVL đó. (giá trị thực tế NVL nhập kho là giá trị vật liệu mang đi chế biến cộng với các chi phí để tạo thành sản phẩm nhập kho bao gồm: chi phí nhân công gia công, chi phí máy móc thiết bị và các chi phí khác, ...

$$\begin{array}{ccccc} \text{Trị giá NVL qua} & = & \text{Giá trị của NVL trước} & + & \text{Chi phí chế} \\ \text{chế biến} & & \text{khi chế biến} & & \text{biến} \end{array}$$

- Đối với NVL thu hồi (phế liệu thu hồi): Giá thực tế của chúng được tính bằng giá bán thực tế của phế liệu trên thị trường.

b. Đối với NVL xuất kho:

** Đối với than dầu đốt lò .*

Khi xuất dùng vật liệu xuất cho các nhu cầu, đối tượng khác nhau, việc tính giá thực tế của vật liệu xuất kho theo nhiều phương pháp, nhưng ở Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá vật tư xuất kho. Phương pháp này được Công ty áp dụng thống nhất trong các niên độ kế toán. Khi đó trị giá NVL xuất kho được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Trị giá NVL} & = & \text{Số lượng NVL} & \times & \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{xuất kho} & & \text{xuất kho} & & \text{cả kỳ dự trữ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá đơn vị} & & \text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật tư nhập trong kỳ} \\ \text{bình quân cả} & = & \\ \text{kỳ dự trữ} & & \hline & & \text{Số lượng vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật tư nhập trong kỳ} \end{array}$$

Ví dụ: Trong tháng 10 năm 2009 có tình hình nhập than cám 5 của Công ty như sau:

Theo kết quả kiểm kê đầu tháng 10 năm 2009 số lượng than còn tồn như sau:

Số dư đầu tháng:

Bảng 2_3

Ngày tháng	Số lượng nhập (tấn)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Số dư đầu tháng	93.529,138	405.452,6	37.921.632.177
12/10/2009	23.286.130,7	405.500	9.442.525.998.850
21/10/2009	25.296,68	405.500	10.257.803.740
31/10/2009	64.517,06	405.500	26.161.667.830
Tổng nhập trong tháng	23.375.944,44	405.500	9.478.945.470.420

Ngày 31/10/2009, theo phiếu xuất kho số 10090010112 xuất kho 122.269 tấn than cám 5 cho PX vận hành 1.

Như vậy tổng giá thực tế than cám 5 nhập trong tháng là 9.478.945.470.420 đồng. Vậy đơn giá xuất kho bình quân là:

$$\text{Đơn giá bình quân (đ)} = \frac{37.921.632.177 + 9.478.945.470.420}{93.529,138 + 23.375.944,44} = 405.499,81$$

Trị giá vốn than cám 5 xuất kho ngày 31/10/2009 là:

$$122.269 \times 405.499,81 = 49.580.056.268,89 \text{ (đồng)}$$

2.2.2.4 . Hạch toán chi tiết NVL tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại.

1. Thủ tục nhập - xuất kho.

Do NVL chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên đòi hỏi phải phản ánh theo dõi chặt chẽ tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại vật tư về số lượng và giá trị. NVL rất đa dạng, các nghiệp vụ nhập, xuất, diễn ra thường xuyên hàng ngày, do đó nhiệm vụ của kế toán NVL là vô cùng quan trọng và không thể thiếu được. Việc hạch toán chi tiết NVL được thực hiện song song giữa kho và phòng kế toán tài chính nhằm mục đích theo dõi chặt chẽ tình hình

Nhập- Xuất- Tồn để có cơ sở ghi sổ kế toán và theo dõi xu hướng biến động của chúng.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại, kế toán chi tiết vật liệu ở Công ty được thực hiện theo từng kho, từng loại vật liệu, nhóm vật liệu, thứ vật liệu và được tiến hành đồng thời ở kho và ở phòng kế toán trên cùng cơ sở chứng từ gốc, chứng từ kế toán được sử dụng bao gồm :

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01-VT).
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 01-VT).
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01-GTGT-3LL).
- Thẻ kho (Mẫu số 06-VT).
- Biên bản giao nhận.
- Phiếu đánh giá chất lượng.
- Yêu cầu mua vật tư.
- Yêu cầu xuất NVL.
- Bảng kê nhập (xuất) vật tư.
- Bảng kê tổng hợp nhập (xuất) kho vật tư.
- Bảng nhập – xuất – tồn NVL.

Một số sổ kế toán chi tiết:

- Sổ chi tiết NVL (Mẫu 17-VT).
- Sổ (Thẻ) kho.

a. Thủ tục nhập kho.

Căn cứ vào kế hoạch và nhu cầu vật tư của các bộ phận sản xuất đã được Giám đốc phê duyệt, phòng kế hoạch vật tư sẽ tiến hành các thủ tục mua bán:

- Lấy báo giá của các nhà cung cấp.
- Lập biên bản phê duyệt giá (nhằm mục đích đưa ra quyết định chọn nhà cung cấp).

- Liên hệ với nhà cung cấp, tùy theo yêu cầu hai bên có thể lập hợp đồng hoặc không.

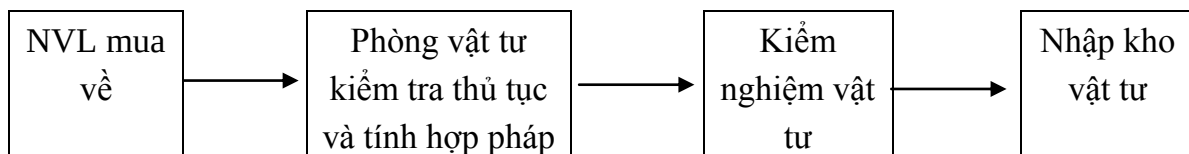
Căn cứ vào chứng từ cần thiết như: (hoá đơn, phiếu giám định khối lượng, phiếu KCS, phiếu vận chuyển) Công ty tiến hành kiểm nghiệm (số lượng, chất lượng) sau đó tiến hành lập biên bản giao nhận hàng hoá, biên bản này phải được trưởng phòng vật tư, thủ kho, người giao ký. Tùy theo từng loại vật tư mà số lượng biên bản có thể lập nhiều hay ít, chẳng hạn biên bản giao nhận than phải được lập thành 6 bản gửi các nơi như :

- Tổng công ty than - để thanh toán tiền than
- Công ty vận tải - để thanh toán cước
- Thủ kho than - để căn cứ ký phiếu nhập
- Phòng vật tư - là cơ sở viết phiếu nhập kho
- Phòng tài chính – kế toán - là cơ sở kiểm tra và thanh toán
- Tổ tiếp nhận than dầu - lưu và theo dõi

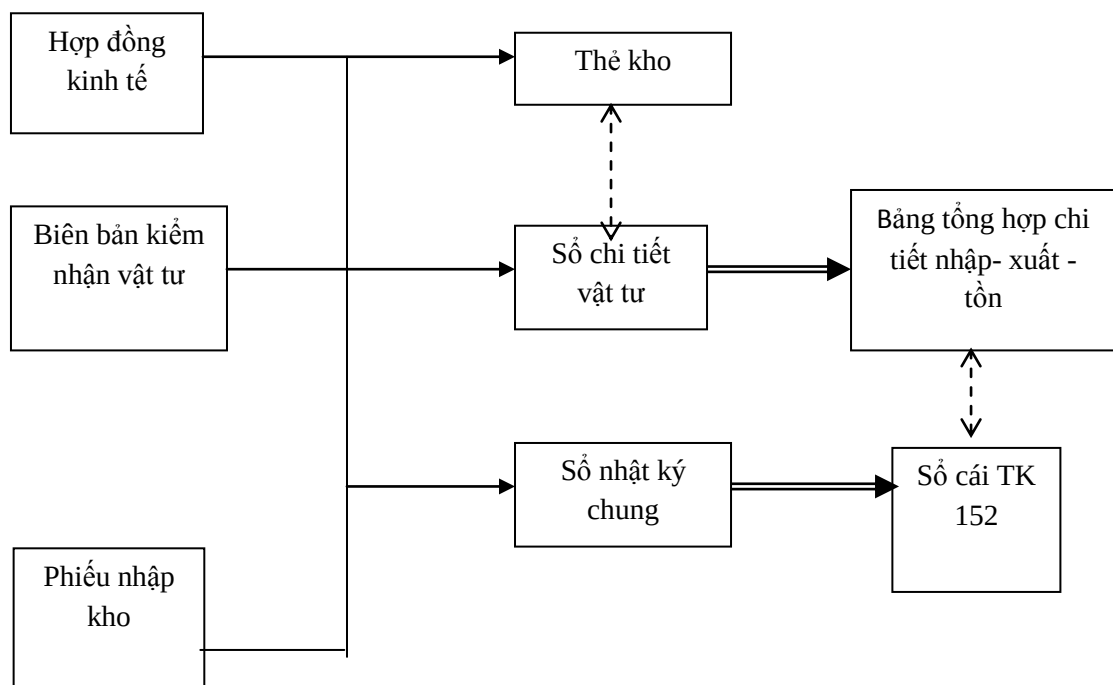
Trên cơ sở biên bản giao nhận than đã được các bên ký. Phòng vật tư lập phiếu nhập kho theo quy định hiện hành làm 3 liên gửi :

- Thủ kho vào thẻ kho và chuyển cho kế toán vật liệu
- Phòng vật tư lưu hồ sơ .
- Phòng tài vụ để thanh toán .

Sơ đồ quá trình mua hàng và nhập kho vật liệu



Sơ đồ 2_4: Sơ đồ biểu diễn trình tự nhập kho vật tư.



Sơ đồ 2_5: Sơ đồ hạch toán và luân chuyển chứng từ nhập kho vật liệu

Ghi chú: Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$
Ghi cuối tháng: $\Longrightarrow$
Đối chiếu kiểm tra: $\longleftrightarrow$

*Để thấy rõ quy trình nhập kho vật tư ta tìm hiểu quá trình nhập kho của than cám 5- NVL chính của Công ty.

Biểu số: 2_6

Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại
Phòng kế hoạch vật tư
Số: KH- VT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - hạnh phúc

YÊU CẦU NHẬP VẬT TƯ

Ngày 05 tháng 10 năm 2009

Họ và tên người yêu cầu: Nguyễn Thị Xuân

Đơn vị công tác: Phòng kế hoạch vật tư

Căn cứ vào yêu cầu sản xuất tháng 10 năm 2009, đề nghị Giám đốc cho mua số vật tư như sau:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Than	Tấn	23.277,580	

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số :2_7: Biên bản họp hội đồng giá.

Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Phòng kế hoạch vật tư

Độc lập - tự do - hạnh phúc

Số: KH- VT

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG GIÁ

Hôm nay, ngày 10 tháng 10 năm 2009

Thành phần họp hội đồng giá gồm có:

- | | |
|-----------------------------|--------------------------------|
| 1. Đồng chí: Phạm Đức Dương | Chức vụ: Chủ tịch hội đồng giá |
| 2. Đồng chí: Nguyễn Thị Xuê | Chức vụ: ủy viên |
| 3. Đồng chí: Trần Thị Lý | Chức vụ: ủy viên |

Sau khi thảo luận và đối chiếu các bảng báo giá của các nhà cung cấp, hội đồng giá thống nhất nội dung sau:

Duyệt giá của Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam - TKV.

Chi tiết gồm:

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Than	Tấn	23.277,580	405.500	9.439.058.690
	Tổng		23.277,580	405.500	9.439.058.690
<i>Bảng chữ: chín tỷ, bốn trăm ba chín triệu, không trăm năm tám nghìn, sáu trăm chín mươi đồng.</i> <i>(Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT)</i>					

Các thành phần hội đồng:

1.....

2.....

3.....

Biểu số:2_8: Hóa đơn GTGT

Đơn vị: Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Địa chỉ: TT Phả Lại- Chí Linh- Hải Dương

Mẫu số: 01GTKT-3LL-01
Được sử dụng theo CV: 10112/CT-QTT VAT
ngày 26/7/2007 của Cục thuế TP Hà Nội

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 12 tháng 10 năm 2009

Ký hiệu: AA/2008T

Số: 0005767

Đơn vị bán hàng: Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả
Địa chỉ: Cửa Ông – Cẩm Phả - Quảng Ninh
MST: 5700100256001-1

Số tài khoản: 102010000224082

Họ tên khách hàng: Phạm Đức Dương

Địa chỉ: Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thị trấn Phả Lại- Chí Linh- Hải Dương

Số tài khoản: 0800296853

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1	Than cám 5	Tấn	405.500	23.277,58	9.439.058.690	
	Cộng tiền hàng				9.439.058.690	
	Thuế suất GTGT:10%	Tiền thuế GTGT			943.905.869	
	Tổng cộng tiền thanh toán				10.382.946.559	

Số tiền viết bằng chữ: mười tỷ, ba trăm tám hai triệu, chín trăm bốn sau nghìn, năm trăm năm chín đồng.

Người mua hàng
(Ký, họ và tên)

Ngày 21 tháng 10 năm 2009
Nhân viên giao dịch
(Ký, họ và tên)

Biểu số:2_9: Lệnh chi.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN		Liên 1/ copy 1 Số/No:01																
LỆNH CHI Payment order Ngày/ Date: 12/10/2009																		
Tên đơn vị trả tiền/ Payer: Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại																		
Tài khoản nợ / Debit A/C:																		
<table><tr><td>4</td><td>2</td><td>1</td><td>1</td><td>0</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr></table>				4	2	1	1	0	1	1	1	0	0	0	0			
4	2	1	1	0	1	1	1	0	0	0	0							
Tại ngân hàng / With Bank: Nông nghiệp và phát triển Nông thôn- HD		Số tiền bằng số/ Amount in figures: 10.382.946.559 đồng																
Số tiền bằng chữ/ Amount in worrds: mười tỷ, ba trăm tám hai triệu, chín trăm bốn sau nghìn, năm trăm năm chín đồng.																		
Tên đơn vị nhận tiền/ Payer: Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả																		
Tài khoản có / credit A/C: 102010000224082																		
<table><tr><td>1</td><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>2</td><td>4</td><td>0</td><td>8</td><td>2</td></tr></table>				1	0	2	0	1	0	0	0	0	2	2	4	0	8	2
1	0	2	0	1	0	0	0	0	2	2	4	0	8	2				
Tại ngân hàng/ With Bank: Công Thương – Hà Nội																		
Nội dung / remarks: Thanh toán tiền hàng																		
Ngày hoạch toán / Accounting date: 01/01/2007		Đơn vị trả tiền / Payer																
Giao dịch viên Teller	Kiểm soát viên Supervior	Kế toán Accountant	Chủ tài khoản A/c holder															

Biểu số 2_10

Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

Phân xưởng cung cấp nhiên liệu

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

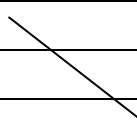
Độc lập - tự do - hạnh phúc

-----***-----

PHIẾU BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH THAN NHẬP

Thời gian lấy mẫu: 9h15' ngày 11 tháng 10 năm 2009.

Lô lấy mẫu: TĐ 03-KS; Sà lan SĐ 09-KS; SĐ 10-KS; SĐ 11-KS; SĐ 12-KS

Loại mẫu	ĐVT	Mã số	Kết quả	Loại than	Ghi chú
Độ tro A ^K	%	A	28,65	Cám 5 Hòn Gai	
Độ ẩm W ^P	%	18H	8,71	Cám 5 Hòn Gai	
Nhiệt trị Q ^k	Kcal/kg		5.690	Cám 5 Hòn Gai	

Cán bộ phụ trách

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người lập biểu

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2_11

Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

Phân xưởng cung cấp nhiên liệu

CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - tự do - hạnh phúc

-----***-----

BIÊN BẢN LẤY MẪU THAN NHẬP

Thời gian lấy mẫu: 9h15' ngày 11 tháng 10 năm 2009.

Lô lấy mẫu: TĐ 03-KS; Sà lan SĐ 09-KS; SĐ 10-KS; SĐ 11-KS; SĐ 12-KS

Tình hình thời tiết: trời râm.

Hàng hóa: Cỡ hạt đạt yêu cầu.

Nhóm lấy mẫu: Hùng – Dũng – Lợi – Khách.

Chia mẫu: Minh – Liêm.

Tiếp nhận PXCCNL:

Ký:

Tiếp nhận PKH – VT:

Ký:

Đại diện chủ hàng:

Ký:

Giám sát:

Ký:

Biểu số 2_12

Đơn vị: Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bộ phận: QLVT

Mẫu số: 03-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá

Ngày 12 tháng 10 năm 2009

- Căn cứ số ngày tháng năm của

- Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Bà Nguyễn Thị Mai - Phòng QLVT - Đại diện Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện
Phả Lại - Trưởng ban

+ Ông Đỗ Thị Loan - Thủ kho vật tư - Đại diện công ty Cổ Phần Nhiệt Điện
Phả Lại - Ủy viên

+ Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Than cam 5	NLC-01	Cân	Tấn	23.277,58	23.277,58	0	

ý kiến của Ban kiểm nghiệm: Đủ điều kiện nhập kho. Biên bản lập xong hồi 10h 30
ngày 12/10/2009

Phòng kỹ thuật	Phòng kế hoạch vật tư	Phòng kế toán	Thủ kho	Người giao hàng
(Ký, họ và tên)	(Ký, họ và tên)	(Ký, họ và tên)	(Ký, họ và tên)	(Ký, họ và tên)

Biểu số 2_13

Đơn vị: Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại
Địa chỉ: TT Phả Lại- Chí Linh- HD

Mẫu số: 01-VT
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU NHẬP KHO Số: 1009001101198

Ngày lập phiếu: 12/10/2009

Liên số 1: Lưu tài chính - kế toán

Họ và tên người giao hàng: Nguyễn Văn Giang

Theo: Mua lẻ, hoá đơn số: 0060201 Ngày 12/10/2009

Lý do nhập kho: Nhập than của TKV

Hoá đơn số: 0005767

Nhập tại kho: 002 - kho vật liệu - TK 152

S T T	Mã vật tư	Tên nhãn hiệu qui cách vật tư	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	TK	
				Yêu cầu	Thực nhập			Nợ	Có
1	NLC-01	Than	Tấn	23.277,58	23.277,58	405.500	9.439.058.690	152211	
		CPVC		23.277,58	23.277,58	65.429,26	1.523.034.835	152211	
Tổng cộng: 10.962.093.525 đồng									
<i>Tổng giá trị xuất (bằng chữ): 10 tỷ, chín trăm sáu hai triệu, không trăm chín ba nghìn, năm trăm hai lăm đồng</i>									

Nhập, ngày 12 tháng 12 năm 2009

Phòng KH-VT
(Ký, họ tên)

Thống kê
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

b. Thủ tục xuất kho.

* *Đối với trường hợp xuất kho vật liệu:* Nguyên vật liệu xuất kho chủ yếu sử dụng phục vụ cho công tác khai thác, sản xuất sản phẩm. Khi có nhu cầu nguyên vật liệu để sản xuất, bộ phận sản xuất lập giấy đề nghị lĩnh vật tư, thiết bị chuyển lên bộ phận cung ứng thuộc phòng kế hoạch phê duyệt, bộ phận sản xuất xuống kho lĩnh vật tư.

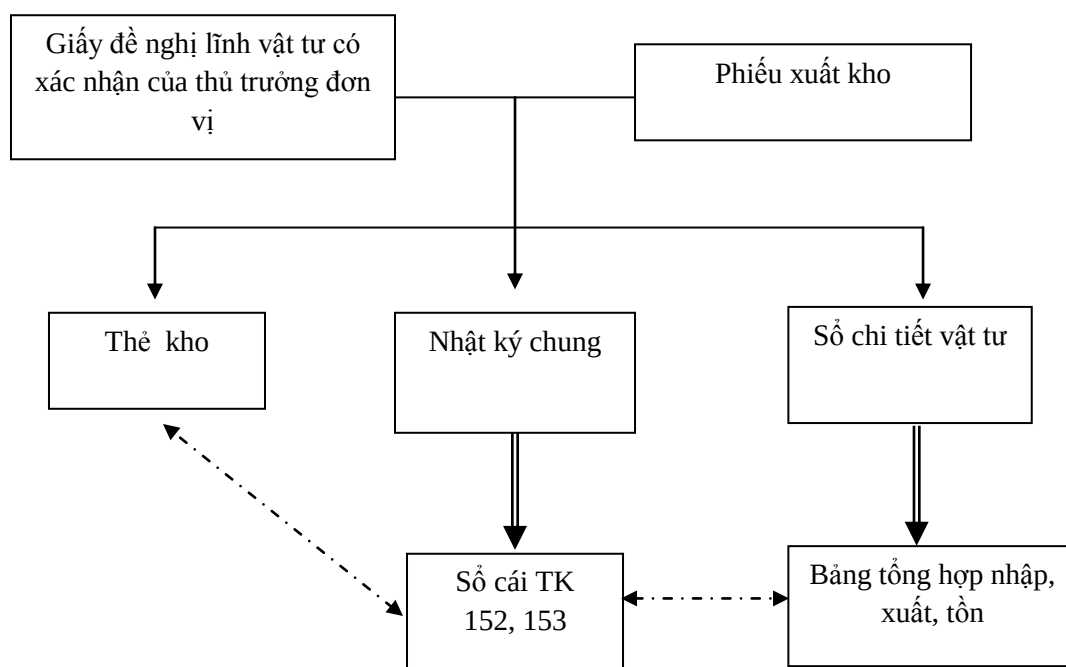
Căn cứ vào giấy đề nghị lĩnh vật tư của các phân xưởng được giám đốc hoặc trưởng bộ phận đơn vị phê duyệt. Phòng kế hoạch vật tư lập phiếu xuất kho (3 liên) rồi chuyển 1 liên cho kế toán làm căn cứ ghi sổ.

Liên 1: Lưu ở nơi lập phiếu

Liên 2: Giao cho thủ kho để ghi vào thẻ kho

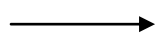
Liên 3: Giao cho bộ phận sử dụng nguyên vật liệu

Các nghiệp vụ hạch toán biến động tăng giảm được kế toán theo dõi chi tiết trên sổ kế toán chi tiết cho từng đối tượng vật tư rồi làm căn cứ để lập nhật ký chung và sổ cái tài khoản liên quan.



Sơ đồ 2_14: Sơ đồ hạch toán và luân chuyển chứng từ xuất kho nguyên vật liệu

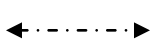
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Quan hệ đối chiếu

Biểu số 2_15

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU ĐỀ NGHỊ MUA, CẤP VẬT TƯ

Giải trình kỹ thuật : Nhu cầu NVL cần dùng cho SX

Đơn vị thực hiện: Phân xưởng vận hành 2

- Chung loại cần cung cấp gồm

TT	Tên vật tư, hàng hoá	Mã hiệu	Danh điểm thông số kỹ thuật	Số lượng			Ghi chú
				ĐVT	Đề nghị cấp	Hiện có ở kho	
1	Than	152211		Tấn	122.269	2346473.578	

Ngày 31 tháng 10 năm 2009

Nơi nhận

TP Vật tư

Người đề nghị

- Phòng vật tư

- Lưu CD

-PX Vận hành 2

Biểu số2_16

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

PHIẾU LĨNH VẬT TƯ PHÂN XƯỞNG

Ngày 31 tháng 10 năm 2009

- Họ tên người nhận hàng: Phạm Thị Hà

- Xuất tại kho : kho NVL, CCDC

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng		Nội dung	Ghi chú
			Xin lĩnh	Thực cấp		
1	Than cám 5	Tấn	122.269	122.269	Xuất PVSX	
	Cộng		122.269	122.269		

Thông kê

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Người nhận

(Ký, họ tên)

Quản đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2_17

Đơn vị: Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại
Địa chỉ: TT Phả Lại- Chí Linh- HD

Mẫu số: 02-VT
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 10 năm 2009

Số: 100900110112

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Duy Tuấn

Đơn vị (Bộ phận): Phân xưởng Vận hành 2.

Lý do xuất kho: Xuất nguyên vật liệu để sản xuất

Kho :1521

TT	Mặt hàng	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Than cám 5		Tấn	122.269	122.269	405.499,81	49.580.056.269
Cộng tiền hàng		x	x	122.269	122.269	x	49.580.056.269

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): bốn chín tỷ, năm trăm tám mươi triệu, không trăm năm sáu nghìn, hai trăm sáu chín đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 (nhu cầu xin cấp vật tư)

Ngày 31 tháng 10 năm 2009

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

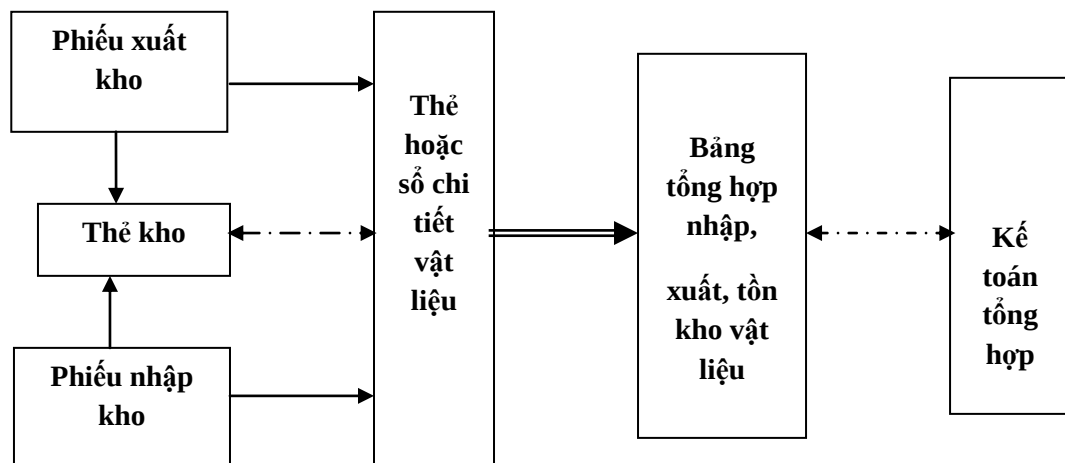
Giám đốc
(Ký, họ tên)

2. Phương pháp hạch toán chi tiết NVL đang áp dụng tại Công ty.

Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, Công ty sử dụng phương pháp thẻ song song giúp cho việc ghi chép được đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu nhằm hạch toán chính xác, đầy đủ sự biến động của nguyên vật liệu.

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện trên thẻ kho, thẻ kho do kế toán lập cho từng vật liệu ở từng kho và được mở cho cả năm. Hàng ngày thủ kho kiểm tra tính hợp lý của từng chứng từ nhận được, sắp xếp, phân loại cho từng thứ vật liệu và ghi vào thẻ kho.

Phương pháp hạch toán thẻ song song: Mỗi thẻ kho dùng cho một thứ vật liệu cùng nhãn hiệu, quy cách, đơn vị tính. Sau đó giao cho thủ kho để ghi chép hàng ngày.



Sơ đồ 2_18: Sơ đồ hạch toán theo phương pháp thẻ song song

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ◄-----► Đối chiếu, kiểm tra

Theo phương pháp này công việc cụ thể tại kho và phòng kế toán như sau:

- Tại kho: Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các phiếu nhập kho, xuất kho ghi chép tình hình nhập, xuất kho vào các cột tương ứng trong thẻ kho, mỗi chứng từ được ghi một dòng, cuối ngày tính ra số tồn kho. Theo định kỳ (cuối tháng) nhân viên kế toán vật tư xuống kho nhận chứng từ và kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, sau đó ký xác nhận vào thẻ kho. Mỗi thẻ chỉ được lập cho một thứ vật liệu ở kho.

- Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ chi tiết vật liệu cho từng vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Theo định kỳ (cuối tháng) nhân viên kế toán vật tư xuống kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và ghi đơn giá, tính thành tiền

và phân loại chứng từ. Sau khi phân loại xong, kế toán căn cứ vào đó để ghi chép biến động của từng danh điểm vật liệu bằng cả thước đo hiện vật và thước đo giá trị vào sổ chi tiết vật liệu. Cuối tháng, sau khi ghi chép xong toàn bộ các nghiệp vụ nhập, xuất kho lên sổ chi tiết, kế toán tiến hành cộng và tính số tồn kho cho từng danh điểm vật liệu. Số liệu này phải khớp với số tồn kho của thủ kho trên thẻ kho tương ứng. Đồng thời kế toán phải căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết để lập báo cáo nhập, xuất, tồn vật liệu về mặt giá trị của từng loại vật tư rồi đối chiếu bằng báo cáo này với số liệu của phần mềm kế toán tổng hợp.

Ví dụ: Sau khi nhận được phiếu nhập kho số 10090010118, phiếu xuất kho số 10090010112 do kế toán NVL chuyển tới, thủ kho thực hiện việc ghi thẻ cho loại NVL Than cám 5 như sau:

Biểu số2_19

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

Địa chỉ: Phả Lại- Chí Linh- Hải Dương

Kho NVLC- Công ty

Mẫu số S12-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: Tháng 10 năm 2009

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Than cám 5

Đơn vị tính: Tấn Mã số: 152211

STT	Ngày, tháng	Số hiệu C.từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận của KT
		Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
1	01/10			Tồn đầu kỳ			93.529,138	
2	12/10	10090010116		Nhập than- Đường sắt	7.378,95			
		10090010117		Nhập than- Đường sông MK	1.171,75			
		10090010118		Nhập than- Đường sông HG	23.277,58			
5	21/10	10090010128		Nhập than- Đường sông HG	25.296,68			
6	31/10	10090010137		Nhập than- Đường sắt	64.517,06			
7	31/10		10090010112	Xuất than cho DC1		122.269		
				Tổng	23.375.944,44	122.269	23.347.204.58	

Ngày....tháng.....năm.....

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2_20

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

Địa chỉ: Phả Lại- Chí Linh- Hải Dương

Mẫu số S12-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

Tháng 10 năm 2009

Tên TK: 152211. Tên kho: Kho NVLC

Tên, quy cách NVL: Than cám 5

Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
		Số dư	405.452,6					93.529,138	37.921.632.177	
10090010116	12/10	Nhập lần 1	405.500	7.378,95	2.992.164.225					
10090010117		Nhập lần 2	405.500	1.171,75	475.144.625					
10090010118		Nhập lần 3	405.500	23.277,58	9.439.058.690					
10090010128	21/10	Nhập kho	405.500	25.296,68	10.257.803.740					
10090010137	31/10	Nhập kho	405.500	64.517,06	26.161.667.830					
10090010112	31/10	Xuất	405.499,81			122.269	49.580.056.269			
		Tổng cộng	x	23.375.944,44	9.478.945.470.420	122.269	49.580.056.269	23.469.351,31	9.467.287.046.328	

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2_21

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

Địa chỉ: Phả Lại- Chí Linh- Hải Dương

BẢNG KÊ CHI TIẾT NHẬP NGUYÊN VẬT LIỆU

TK Nợ: TK 152

Tháng 10 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	ĐVT	TK Có	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Ngày	Số hiệu						
01/10/1009	10090020289	Xăng	lít	621	360.000	9.717	3.498.120.000
08/10/2009	10090030195	Dầu Diezen	lít	311	350.000	7.845	2.745.750.000
...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng TK 1521 - Nhiên liệu	lít				496.750.820.000
12/10/2009	10090010116	Than	Tấn	331	7.378,95	405.500	2.992.164.225
	10090010117	Than	Tấn	331	1.171,75	405.500	475.144.625
	10090010118	Than	Tấn	331	23.277,58	405.500	9.439.058.690
...	...	...	...	...	...	...	...
11/10/2009	10090010119	Dầu FO	Tấn	141	340	2.466.863	838.733.420
14/10/2009	10090010120	Dầu FO	Tấn		104	2.466.863	256.553.752
...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng TK 15221- NVLC	Tấn				9.480.040.757.592
...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng TK 152					9.923.687.107.226

Biểu số 2_22

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

Địa chỉ: Phả Lại- Chí Linh- Hải Dương

BẢNG KÊ CHI TIẾT XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

TK Có: TK 152

Tháng 10 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	ĐVT	TK Có	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Ngày	Số hiệu						
01/10/1009	10090020289	Xăng	lít	24112	10.000	9.716	97.160.000
08/10/2009	10090030195	Dầu Diezen	lít	24112	50.000	7.520	37.600.000
...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng TK 1521 - Nhiên liệu	lít				932.210.000
31/10/2009	10090010112	Than	Tấn	621	122.269	405.499,81	49.580.056.269
...	...	...	...	...	...	...	...
23/10/2009	10090010113	Dầu FO	Tấn		695	2.466.860	1.714.467.700
...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng TK 15221- NVLC	Tấn				51.294.523.969
...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng TK 152					991.356.739.269

Biểu số 2_23

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại Địa chỉ: Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương	Mẫu số S11-DN <i>(Ban hành theo QĐ số 15/2006-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>
---	--

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 10 năm 2009

ST T	Diễn giải	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ		Ghi chú
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	Nhiên liệu			5.692.883.248		496.750.820.000		932.210.000		501.511.493.248	
1	Xăng	lít	700	6.789.300	360.000	3.498.120.000	10.000	97.160.000	350.700	3.407.749.300	
2	Dầu Diezen	lít	1.000	7.839.000	350.000	2.745.750.000	50.000	392.200.000	301.000	2.361.389.000	
3	Dầu CN50	lít	0	0	900	470.325.820.000			900	470.325.820.000	
4	Dầu CN20	lít	0	0	400	4.000.000			400	4.000.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
B	Nguyên vật liệu			53.505.843.197		9.651.622.047.592		51.356.173.969		9.617.882.641.820	
I	NVLC			53.480.118.197		9.480.040.757.592		51.294.523.969		9.482.226.351.820	
1	Than	Tấn	93.529,13 8	37.921.632.177	23.375.94 4,44	9.478.945.470.420	122.269	49.580.056.269	23.469.3 51,31	9.467.287.046.328	
2	Dầu FO	Tấn	6.307	15.558.486.020	444	1.095.287.172	695	1.714.467.700	6.056	14.939.305.492	

II	NVLP			25.725.000		171.581.290.000		61.650.000		135.656.290.000	
1	Axit C₆H₈O₇H₂ O	Kg	0	0	20	12.895.240.000			20	12.895.240.000	
2	Axit C₆H₈O₆	Kg	0	0	10	17.619.050.000			10	17.619.050.000	
3	Mỡ	lít	0	0	150	1.275.000			150	1.275	
4	Thép										
a	ẽ43	Kg	900	16.200.000	3033	54.594.000	2300	41.400.000	1633	29.394.000	
b	ẽ35	Kg	500	7.500.000	1042	15.630.000			1542	23.130.000	
c	ẽ6	Kg	150	2.025.000	4968	67.068.000	1500	20.250.000	3618	48.843.000	
...	...	...	...		...	...	...	...	...	...	
	Tổng			1.256.340.214.184		9.923.687.107.226		991.356.739.269		10.188.670.582.141	

3. Phương pháp hạch toán tổng hợp NVL tại Công ty.

Song song với công việc hạch toán chi tiết NVL hàng ngày thì kế toán tổng hợp NVL là công việc không thể thiếu được trong công tác kế toán vật liệu.

Hiện nay, Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại đang áp dụng kế toán tổng hợp nhập, xuất NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên. Tức là việc ghi chép, tính toán tình hình nhập, xuất NVL vào các tài khoản, sổ kế toán tổng hợp vật liệu trên cơ sở các chứng từ hợp lý được diễn ra thường xuyên liên tục. Và trong quá trình hạch toán kế toán Công ty cũng sử dụng các tài khoản có liên quan đến tình hình tăng giảm NVL theo phương pháp này.

a. Tài khoản sử dụng

Tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại kế toán vật liệu sử dụng một số tài khoản sau:

- Tài khoản 152: nguyên liệu, vật liệu
- + Các nghiệp vụ nhập vật tư, Công ty sử dụng các TK sau:
 - Tài khoản 111: tiền mặt
 - Tài khoản 112: tiền gửi ngân hàng
 - Tài khoản 331: phải trả người bán
- + Các nghiệp vụ xuất vật tư, Công ty sử dụng các TK sau:
 - Tài khoản 6211: chi phí NVL trực tiếp
 - Tài khoản 6271: chi phí sản xuất chung
 - Tài khoản 241: xây dựng cơ bản
-

Với hình thức Nhật ký chung thì việc hạch toán tổng hợp vật liệu tại Công ty đang sử dụng các sổ sách sau:

- + Đối với NVL nhập kho, kế toán sử dụng các sổ:
 - Sổ chi tiết TK 152 : nguyên liệu, vật liệu
 - Sổ chi tiết TK 331 : phải trả người bán

+ Đối với NVL xuất kho, kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ NVL

Ngoài ra, Công ty còn áp dụng các mẫu sổ sau:

- Sổ cái TK152, TK 331, TK 621, TK 627

- Bảng kê nhập, bảng kê xuất vật liệu

- Hệ thống sổ chi tiết bao gồm: Thẻ kho, Sổ chi tiết vật tư, Sổ chi tiết khác, Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn.

b. Phương pháp kế toán.

Như đã nêu ở trên NLV của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại tăng chủ yếu là do mua ngoài . Theo các hợp đồng kinh tế giữa nhà máy với đơn vị bán hàng.

1. Kế toán tăng NVL.

* Đối với NVL mua ngoài yêu cầu phải phản ánh đúng đắn, đầy đủ, chính xác và tình hình thanh toán với người bán . Thực tế tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại khi vật liệu về nhập kho kế toán sử dụng tài khoản 3311 “ Phải trả cho người bán “.

Trường hợp hàng về nhập kho căn cứ vào hoá đơn và phiếu nhập kho kế toán ghi

Nợ TK 152 (chi tiết)

Nợ TK133 Thuế VAT được khấu trừ

Có TK 3311 (chi tiết theo đối tượng)

Khi thanh toán ghi

Nợ TK 3311 (chi tiết theo đối tượng)

Có TK 1111 Trả bằng tiền mặt

Có TK 1121 Trả bằng tiền gửi ngân hàng

Có TK 13625 Tổng công ty Điện lực Việt Nam trả hộ bằng cấp chi phí sản xuất

Đồng thời căn cứ vào số phiếu chi số 02 ngày 13/10/2009 chi tiền để mua vật liệu theo hoá đơn số 014222. Kế toán ghi:

Nợ TK 3311 (CTY VLĐ)39.942.000

Có TK 1111 : 39.942.000

Trường hợp vật liệu nhà máy mua về nhập kho nhưng chưa thanh toán với người bán kế toán ghi sổ theo định khoản

Nợ TK 152 (Chi tiết)

Nợ TK 133 Thuế VAT theo hoá đơn
Có TK 3311 (Theo đối tượng)

Ví dụ:

Căn cứ vào hoá đơn : số 01005767 ngày 12/10/2009 và phiếu nhập kho số 1009001101198 ngày 12/10/2009. nhập Than cám 5 của Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả, trị giá 9.439.058.690 đồng Thuế VAT 10% 943.905.869 đồng: Chưa thanh toán

Kế toán ghi :

Nợ TK 1522: 9.439.058.690

Nợ TK 133: 943.905.869

Có TK 3311(Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả): 10.382.946.559

** Nếu mua NVL thanh toán bằng tiền tạm ứng:*

Ví dụ: Ngày 11/10 năm 2009 nhập kho Dầu FO phiếu nhập kho số 10090010119. tiền mua hàng 838.733.420 đồng, thuế GTGT 10%: 83.873.342 đồng.

Nợ TK 152212: 838.733.420

Nợ TK 133: 83.873.342

Có TK 141 922.606.762

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT, giấy thanh toán tạm ứng, phiếu nhập kho kế toán ghi sổ nhật ký chung, từ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái TK 152, TK 133, TK 141.

Việc thanh toán tạm ứng được theo dõi trên sổ chi tiết thanh toán tiền tạm ứng riêng cho từng đối tượng.

** Nếu dùng tiền vay để mua NVL*

Ví dụ: ngày 08/10/2009 nhập Dầu Diezen, phiếu nhập kho 10090030195, tiền mua hàng 2.745.750.000 đồng, thuế GTGT 10%: 274.575.000 đồng. Thanh toán bằng tiền vay ngắn hạn.

Nợ TK 15211: 2.745.750.000

Nợ TK 133: 274.575.000

Có TK 311: 3.020.325.000

** Nếu nhập kho trở lại đối với NVL xuất ra chưa sử dụng hết:*

Ví dụ: Ngày 01/10/2009 nhập kho xăng từ PXVH 1, phiếu nhập kho 10090020289. Số lượng 360.000 lít, thành tiền 3.498.120.000 đồng.

Nợ TK 15217: 3.498.120.000

Có TK 621: 3.498.120.000

Căn cứ vào phiếu nhập kho, kế toán vào sổ nhật ký chung, từ số liệu trên sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 152, TK 621.

2. Kế toán giảm NVL.

+ NVL xuất dùng trực tiếp sản xuất

Nợ TK621

Có TK152

+ NVL xuất dùng cho xây dựng cơ bản

Nợ TK 241

Có TK152

+ NVL xuất dùng cho quản lý

Nợ TK642

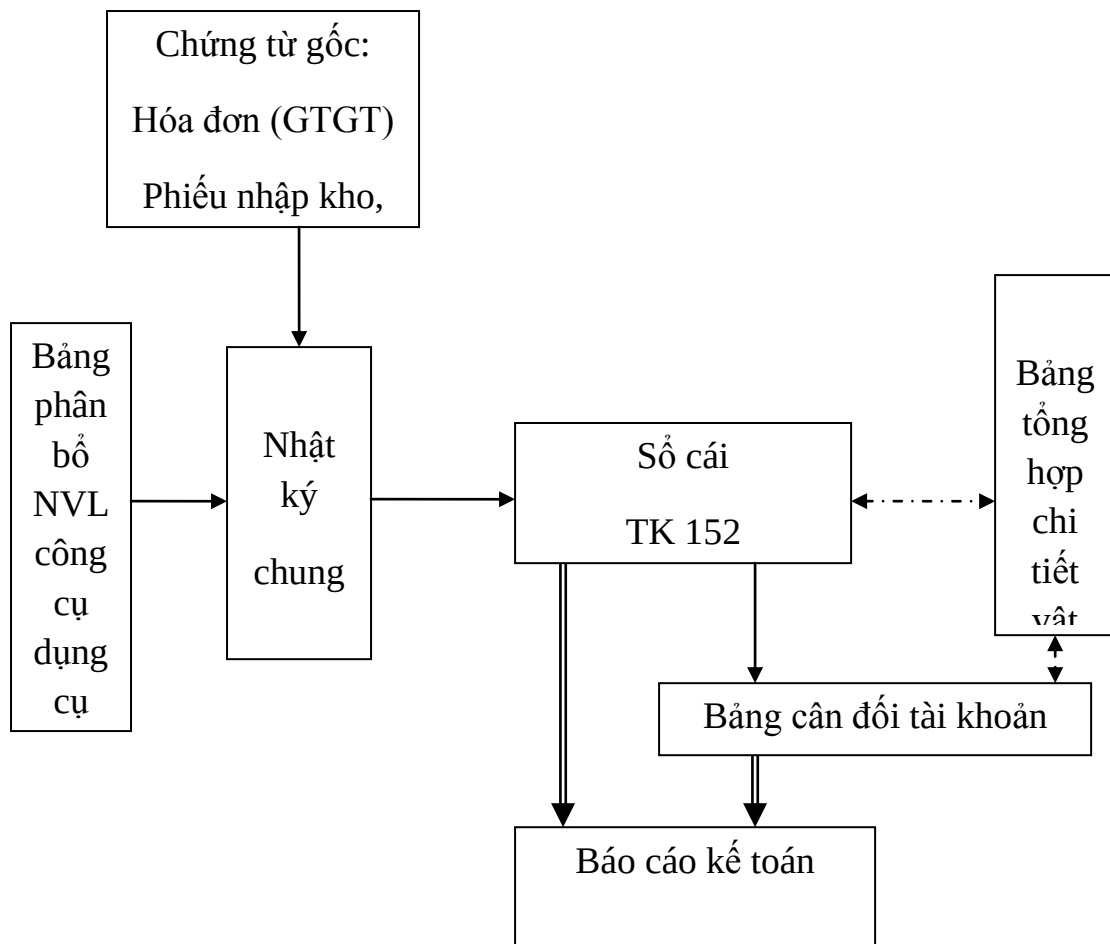
Có TK152

+ NVL phát hiện thiếu khi kiểm kê

Nợ TK1388

Có TK152

...



Sơ đồ 2_24: Quy trình kế toán tổng hợp NVL

Biểu số2_25

Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ CỦA MỘT NHÀ CUNG CẤP

TK 331- Phải trả người bán

Từ ngày 01/10/2009 đến ngày 31/10/2009

Chứng từ		Họ và tên	Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Ngày	Số					
Tài khoản: 33111- Phải trả cho người bán- Công ty CP XNK hóa chất và TB Kim Ngưu Hà Nội – Tiền Việt Nam						
			Tồn đầu kỳ			72.794.905.467
01/10/2009	PN10090020288	000-Nguyễn Văn Giang	Nhập hóa chất và dụng cụ	13311		1.637.999
				15222		9.372.728
01/10/2009	PN10090030195	000-Nguyễn Văn Giang	Nhập cu vét	1539		7.007.273
01/10/2009	PN10090090032	000-Phạm Hữu Lanh	Nhập mani	13311		2.390.000
				1523		23.900.000
02/10/2009	PN10090030207	000-Nguyễn Ngọc Lâm-P.KHVT	Nhập máy tính	1538		20.902.390
				13311		2.090.239
...	...	...	...	...	...	...
Cộng pháp sinh Nợ					0	
Cộng phát sinh Có						298.910.300
Số dư có cuối kỳ						73.093.815.767

Biểu số2_26

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

Địa chỉ: Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: 07-VT

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 141

Đối tượng: Phạm Văn Giang

Loại tiền: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Số dư	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có	Nợ	Có
01/10	10090020288	Tạm ứng tiền mặt mua vật tư	111	11.010.727		27.949.636	
..	...	...	...	...	...	...	...
20/12	10090020290	Thanh toán tiền hàng	111		32.255.407		
...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng phát sinh		83.500.000	83.500.000	0	0

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2_27

**Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại
Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương**

Mẫu số: 07-VT

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTV
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

**BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN VẬT LIỆU
Tháng 10 năm 2009**

ĐVT: VNĐ

STT		TK 152 – Nguyên vật liệu	
		Giá HT	Giá TT
I	TK 621		943.529.604.483
1	PX VH 1		398.765.587.665
2	PX VH 2		365.756.434.642
3	PX Hóa		100.652.424.636
4	PX SX Phụ		45.423.988.323
5	PX VH Đ- KN		32.931.169.217
II	TK 627		40.736.535.425
1	PX VH 1		15.615.736.826
2	PX VH 2		14.726.625.524
3	PX Hóa		10.736.858.624
4	PX SX Phụ		4.624.957.635
5	PX VH Đ- KN		9.758.982.340
III	TK 641		
IV	TK 642		7.090.599.361
1	Công ty		7.090.599.361
V	TK 154		
VI	TK 241		
VII	TK 142		
	Tổng cộng		991.356.739.269

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số2_28

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

Địa chỉ: Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: 07-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 10 năm 2009

ĐVT:đồng

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Ngày	Số hiệu					Nợ	Có
			Sổ trang trước chuyển sang					
01/10	01/10	10090020288	Nhập kho NVLP	x	1	15222	9.372.728	
				x	2	133	1.637.999	
				x	3	331		11.010.727
01/10	01/10	10090020289	Xuất kho Nhiên liệu	x	4	627	97.160.000	
				x	5	15217		97.160.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
08/10	08/10	10090030195	Nhập kho nhiên liệu	x	33	15211	2.745.750.000	
				x	34	133	274.575.000	
				x	35	331		3.020.325.000
08/10	08/10	10090030195	Xuất kho nhiên liệu	x	36	641	37.600.000	
				x	37	15211		37.600.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
11/10	11/10	10090010119	Nhập kho NVLC	x	90	152212	838.733.420	
				x	91	133	83.873.342	
				x	92	141		922.606.762

12/10	12/10	10090010118	Nhập kho NVLC đợt 3	x	93	152211	9.439.058.690	
				x	94	133	943.905.869	
				x	95	331		10.382.946.559
...						...		
23/10	23/10	10090010113	Xuất kho NVLC	x	155	621	1.714.467.700	
				x	156	152212		1.714.467.700
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/10	31/10	100900110112	Xuất kho NVLC	x	456	621	49.580.056.269	
				x	457	152211		49.580.056.269
			Cộng				11.391.298.118.238	11.391.298.118.238

- Số này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:...

Ngày...tháng...năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số2_29

Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại
Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03b-DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTV
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

SỔ CÁI

Tháng 10 năm 2009

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	b	c	d	e	g	h	1	2
			- Số dư đầu kỳ				1.256.340.214.184	
			-SPS trong tháng					
01/10	10090020288	01/10	Nhập kho NVLP		1	331	11.010.727	
01/10	10090020289	01/10	Xuất kho Nhiên liệu		4	241		97.160.000
...	...	...	...	...	...	...		
08/10	10090030195	08/10	Nhập kho Nhiên liệu		33	331	3.020.325.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	
11/10	10090010119	11/10	Nhập kho NVLC		90	141	922.606.762	
...	...	...	...	...	...	...	...	
12/10	10090010118	12/10	Nhập kho NVLC đợt 3		93	331	10.382.946.559	
...	...	...	...	...	...	...	...	
23/10	10090010113	23/10	Xuất kho NVLC		155	621		1.714.467.700
...	...	...	...	...	...	...	...	
31/10	10090010112	31/10	Xuất kho NVLC		456	621		49.580.056.269
			- Cộng sps tháng				9.926.687.107.226	991.356.739.269
			- Số dư cuối tháng				10.188.670.582.141	
			-Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang số

- Ngày mở sổ: Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số2_30

Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại
Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03b-DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTV
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

SỔ CÁI

Tháng 10 năm 2009

Tên tài khoản: phải trả người bán

Số hiệu: 331

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	b	c	d	e	g	h	1	2
			- Số dư đầu kỳ					72.794.905.467
			-Số phát sinh trong tháng					
01/10	10090020288	01/10	Mua NVL			15222		10.010.727
...	...	...	...	...	...	...	...	...
04/10	10099020319	04/10	Mua NVL			15222		29.335.394
...	...	...	...	...	...		...	...
05/10	1009002290	05/10	Mua NVL			15222		9.800.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh tháng				28.292.076.040	64.902.657.419
			- Số dư cuối tháng					109.405.486.846
			- Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang số

- Ngày mở sổ: Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2_31

Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại
Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03b-DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTV
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

SỔ CÁI

Tháng 10 năm 2009

Tên tài khoản: thuế GTGT được khấu trừ

Số hiệu: 133

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
a	b	c	d	e	g	h	1	2
			- Số dư đầu kỳ				832.649.314	
			-Số phát sinh trong tháng					
01/10	10090020288	01/10	Nhập kho NVLP	1	1	331	1.637.999	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
04/10	1009002319	04/10	Nhập kho NVL			331	2.666.854	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
08/10	10090030195	08/10	Nhập kho nhiên liệu	1	35	331	274.575.000	
...	...	...	...	...	...	..	...	...
11/10	10090010119	11/10	Nhập kho NVLC			141	83.873.342	
12/10	10090010118	12/10	Nhập kho NVLC đợt 3			331	943.905.869	
...	...	...	...		...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh tháng				5.400.036.851	4.717.088.103
			- Số dư cuối tháng				1.515.705.562	
			- Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang số

- Ngày mở sổ: Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2_32:

Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại
Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03b-DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTV
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

SỔ CÁI

Tháng 10 năm 2009

Tên tài khoản: chi phí NVL trực tiếp

Số hiệu: 621

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
a	b	c	d	e	g	h	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			-Số phát sinh trong tháng					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
23/10	10090010113	23/10	Xuất kho NVLC		155	152212	1.714.467.700	
25/20	10090010324	25/20	Xuất NVL			152	232.420.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	
31/10	10090010112	31/10	Xuất kho NVLC		456	152212	49.580.056.269	
...	...	...	...	...	...	...	...	
31/10	PKTTH06	31/10	Kết chuyển chi phí NVLTT					943.529.604.483
			- Cộng số phát sinh tháng				943.529.604.483	943.529.604.483
			- Số dư cuối tháng					
			- Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang số

- Ngày mở sổ: Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2_33:

Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03b-DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTV
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

SỔ CÁI

Tháng 10 năm 2009

Tên tài khoản: chi phí SXC

Số hiệu: 627

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
a	b	c	d	e	g	h	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			-Số phát sinh trong tháng					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
17/10	10090010123	17/10	Xuất kho NVLC			152212	1.787.000.700	
21/20	10090010355	21/20	Xuất NVL			152	172.920.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	
31/10	10090010135	31/10	Xuất kho NVLC			152212	23.554.056.269	
...	...	...	...	...	...	...	...	
31/10	PKTTH07	31/10	Kết chuyển chi phí NVLTT					40.999.272.262
			- Cộng số phát sinh tháng				40.999.272.262	40.999.272.262
			- Số dư cuối tháng					
			- Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang số

- Ngày mở sổ: Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2_34

Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại
Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương

Mẫu số: S03b-DN

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTV
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC*

SỔ CÁI

Tháng 10 năm 2009

Tên tài khoản: chi phí QLDN

Số hiệu: 642

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
a	b	c	d	e	g	h	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			-Số phát sinh trong tháng					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
16/10	10090010124	16/10	Xuất kho NVLC			152212	225.000	
22/20	10090010356	22/20	Xuất NVL			152	134.987.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	
31/10	10090010136	31/10	Xuất kho NVLC			152212	3.054.449	
...	...	...	...	...	...	...	...	
31/10	PKTTH08	31/10	Kết chuyển chi phí NVLTT					7.182.912.304
			- Cộng số phát sinh tháng				7.182.912.304	7.182.912.304
			- Số dư cuối tháng					
			- Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang số

- Ngày mở sổ: Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Chương III:

3.1 Sự cần thiết phải thực hiện công tác quản lý sử dụng nguyên vật liệu tại công ty.

Trong nền kinh tế sản xuất hàng hóa có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các doanh nghiệp phải tự hạch toán sản xuất kinh doanh lấy thu bù chi, do vậy các doanh nghiệp phải tự nghiên cứu tính toán và tổ chức sản xuất kinh doanh sao cho chi phí thấp nhất mà lãi thu về nhiều nhất. Muốn vậy doanh nghiệp phải thực hiện đồng thời các biện pháp quản lý và sản xuất. Một trong những biện pháp đó là quản lý chi phí NVL là quan trọng. Vì nguyên vật liệu là yếu tố cơ bản để tạo nên sản phẩm, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp đối mặt với rất nhiều đối thủ cạnh tranh. Muốn thắng lợi trong kinh doanh, một vấn đề quan trọng mà bất cứ doanh nghiệp nào cũng đều quan tâm đến là giảm chi phí sản xuất, vì giảm một đồng chi phí có nghĩa là tăng một đồng lợi nhuận.

Trong tình hình hiện nay, với nguồn lực có hạn và sự khai thác tiềm năng sản xuất của đất nước chưa thực sự hiệu quả và còn lãng phí quá nhiều, nhiều nguyên vật liệu phải nhập từ nước ngoài, chính vì vậy việc ghi chép tình hình thu mua, nhập xuất và dự trữ nguyên vật liệu đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin và đề ra các biện pháp quản lý vật liệu nói riêng, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn doanh nghiệp nói chung một cách khoa học, hợp lý và đúng đắn. Tránh lãng phí tài nguyên, tăng nguồn lực sản xuất qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Đối với Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại, nguyên vật liệu đóng vai trò quan trọng trong sản xuất kinh doanh, quyết định tới mọi mặt của sản xuất kinh doanh. Do vậy, tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu là một yêu cầu rất cần thiết đối với Công ty.

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại, nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất kinh doanh, sự cần thiết phải tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu em lựa chọn

chuyên đề: “Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại” làm đề tài nghiên cứu.

3.2 . Nhận xét đánh giá chung về công tác quản lý sử dụng và tình hình hạch toán NVL tại Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp đều hướng tới mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Để đạt được mục đích này mỗi doanh nghiệp có một cách làm khác nhau. Song một trong các biện pháp cơ bản được nhiều doanh nghiệp quan tâm là không ngừng tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Trong doanh nghiệp công nghiệp chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là một trong những yếu tố quan trọng, chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành sản phẩm, việc tăng cường quản lý và hoàn thiện công tác kế toán là một trong những vấn đề quan trọng để tiết kiệm chi phí sản xuất hạ giá thành sản phẩm. Tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại, đây cũng là một vấn đề đã và đang được ban lãnh đạo quan tâm sâu sắc.

Qua thời gian thực tập tại nhà máy nhiệt điện Phả Lại, vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác NVL em có nhận xét như sau:

1 - Những ưu điểm:

- Nhìn chung Công ty đã xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch thu mua nguyên vật liệu. Với khối lượng nguyên vật liệu lớn, chủng loại đa dạng mà vẫn cung cấp đầy đủ cho nhu cầu sản xuất, không làm gián đoạn quy trình sản xuất. Qua đó ta thấy tinh thần trách nhiệm và sự nỗ lực của các phòng, ban trong nhà máy rất cao.

- Phòng kế hoạch vật tư là nơi tổ chức trực tiếp thu mua, nhập kho, bảo quản và xuất phục vụ sản xuất đã đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ vật liệu để đáp ứng yêu cầu sản xuất.

- Các kho vật liệu được sắp xếp một cách có hệ thống và hợp lý. Đội ngũ thủ kho có tinh thần trách nhiệm cao nên việc tổ chức, quản lý vật liệu, tổ chức nhập kho, cấp phát vật liệu tiến hành một cách khoa học.

- Về chế độ kế toán ghi chép ban đầu: Đối với công tác hạch toán ban đầu lập chứng từ đến luân chuyển chứng từ cụ thể:

- + Phiếu nhập kho vật tư
- + Phiếu xuất kho vật tư
- + Hoá đơn (GTGT)

Đã được Công ty quy định một cách rất rõ ràng và theo đúng quy định đã ban hành.

- Hình thức tổ chức công tác kế toán: Công ty đã áp dụng mô hình tổ chức công tác kế toán tập trung như vậy là phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của đơn vị mình cho nên việc luân chuyển chứng từ đảm bảo kịp thời phục vụ cho công tác kế toán được tốt. Việc trao đổi thông tin thuận lợi và nhanh chóng.

- Hình thức kế toán: Nhà máy điện Phả Lại áp dụng hình thức nhật ký chung nhìn chung cho thấy việc áp dụng hình thức kế toán như vậy đã đáp ứng được yêu cầu quản lý của đơn vị. Đã tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, giảm nhiều khối lượng ghi chép, không trùng lặp. Phương pháp này vừa hạch toán chi tiết, vừa hạch toán tổng hợp giảm được nhiều động tác luân chuyển chứng từ.

- Về phân loại nguyên vật liệu: Đơn vị đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu theo nội dung kinh tế có tác dụng cho thấy được tình hình sử dụng các loại nguyên vật liệu vào sản xuất sản phẩm từ đó có kế hoạch khai thác, mua sắm từng loại nguyên vật liệu để đảm bảo cho quá trình sản xuất được thuận lợi, liên tục giúp cho kế toán tính toán được chính xác từng thứ vật liệu đưa vào sản xuất một cách hợp lý.

- Công tác hạch toán chi phí nguyên vật liệu ở Công ty Cổ Phần Nhiệt điện Phả Lại, được tuân thủ nghiêm chỉnh mọi chính sách, chế độ và các nguyên tắc quản lý tài chính kế toán do nhà nước quy định và các quy định của ngành được Bộ tài chính cho phép ban hành.

Các loại nguyên vật liệu chính như sau:

- Than cám.
- Dầu ma zút.

Chiếm tỷ trọng 80% trong giá thành sản xuất điện nhưng việc cung cấp về giá cả ổn định (theo quyết định về giá cả của uỷ ban vật giá Chính Phủ, quy định về giá bán) trong thời gian nhất định. Do vậy việc hạch toán vật liệu theo giá thực tế là phù hợp, đảm bảo độ chính xác vào giá thành sản phẩm .

Hệ thống chứng từ của nhà máy đều hợp lệ, rõ ràng. Công ty đã đào tạo cho mình một đội ngũ cán bộ kế toán vững vàng. Sự giám đốc của kế toán trưởng đối với nhân viên được tiến hành nhanh chóng. Nên các kế toán viên luôn chủ động tiến hành tốt phần việc của mình phụ trách.

2 - Phần hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm như trên nhà máy còn cho ta thấy những hạn chế sau:

- Do áp dụng hình thức nhật ký chung theo quy định, việc ghi chép giữa các sổ chi tiết với sổ tổng hợp còn nhiều trùng lặp như: Sổ chi tiết theo dõi tài khoản đã phản ánh toàn bộ nội dung kinh tế trong chứng từ kế toán, nhật ký chung cũng phản ánh toàn bộ nội dung trên, chứng từ kế toán và sổ cái cũng phản ánh toàn bộ nội dung kinh tế trong chứng từ kế toán.

- Đối với phân loại vật liệu ở Công ty mặc dù chủng loại vật liệu đa dạng nhưng vẫn chưa xây dựng được sổ danh điểm một cách khoa học.

- Đối với việc đánh giá vật liệu: tại Công ty giá vật liệu nhập kho phản ánh chưa đầy đủ, giá xuất cũng chưa được chính xác. Bởi vật tư tồn đọng trong kho quá lớn, mức dự trữ cao. Do vậy không xác định chính xác theo giá thực tế vào giá thành sản phẩm.

- Đối với công tác vật liệu chi tiết: Hiện nay tại Công ty việc hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song nhưng thực chất đó mới chỉ là danh nghĩa chưa đúng với trình tự, yêu cầu của phương pháp thẻ song song.

- Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, hình thức này phù hợp với Công ty có quy mô lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng. Tuy nhiên với hình thức này nhà máy cần hoàn thiện thêm một số sổ sách.

3.3. Giải pháp hoàn thiện công tác hạch toán NVL tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại.

3.3.1 Về quản lý

Để đảm bảo cho việc hạch toán kế toán vật liệu được chính xác, thì doanh nghiệp phải tổ chức phân loại vật liệu phải khoa học, hợp lý. Phải xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu một cách hợp lý. Đồng thời việc phân loại vật liệu phải dựa vào vai trò của vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Tất cả các vật liệu có cùng một vai trò, công dụng được sắp xếp vào cùng một loại. Cụ thể vật liệu của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại được chia thành: nhiên liệu, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế. Mỗi loại được theo dõi chi tiết trên các sổ kế toán, trong mỗi loại căn cứ vào tính chất lý hoá của vật liệu để chia thành các nhóm, kho cho phù hợp. Đồng thời tổ chức quản lý, theo dõi từng kho, từng nhóm vật tư một cách

chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra phát hiện kịp thời ngăn chặn và xử lý bảo đảm an toàn cho vật tư, hàng hoá.

3.3.2. Hạch toán vật liệu

1. Phân loại

Hiện tại Công ty chưa xây dựng được sổ danh điểm vật liệu nên đã làm ảnh hưởng tới việc theo dõi sự biến động của vật liệu.

Do nhà máy chủng loại vật liệu nhiều nhưng chưa xây dựng được sổ danh điểm vật liệu nên đã mất rất nhiều thời gian trong việc tìm tên vật liệu, bởi vậy để đảm bảo quản lý vật liệu được chặt chẽ, thống nhất, việc kiểm tra đối chiếu được dễ dàng và dễ phát hiện ra khi sai sót giữa kho và phòng kế toán, đồng thời giúp cho việc hạch toán chi tiết được đúng đắn. Nhà máy cần phải xây dựng được hệ thống sổ danh điểm vật tư.

Phương pháp xây dựng sổ danh điểm vật liệu : xuất phát từ vật liệu chính sử dụng trong việc sản xuất ra sản phẩm. Tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại than, dầu chiếm tỷ trọng 80% trong giá thành và các vật liệu khác để phục vụ cho sản xuất. Vật liệu sẽ được sắp xếp như sau (theo sổ danh điểm vật liệu).

Biểu số3_1

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU

Kí hiệu nhóm vật liệu	Số danh điểm	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật liệu	Đơn vị tính	Đơn giá hạch toán	Ghi chú
Vật liệu chính (nhiên liệu)	152211	Than cám 4			
	152212	Than cám 5			
	152213	Dầu ma zút(FO)			
	152121	Dầu điêzel			
	15218	Xăng , dầu mỡ phụ			

2.Đánh giá vật liệu:

- Vật liệu

+ Đối với vật liệu nhập kho.

Tại Công ty giá nhập kho của than ,dầu = giá hoá đơn + chi phí vận chuyển là chưa chính xác.

Ví dụ: Đoàn vận tải 4TD1 chở 800 tấn than Hòn Gai về Công ty, theo hợp đồng kinh tế thì hao hụt vận chuyển cho phép là 0,7%.

Như vậy số tấn hao hụt cho phép : $800T \times 0,7\% = 5,6T$ nghĩa là nếu số than thực nhập là $800T - 5,6T = 794,4 T$ thì đủ hàng

Thực tế Công ty nhập theo số thực nhập là 800 tấn, hao hụt vận chuyển được cộng thêm 5,6 tấn = 805,6 tấn. Như vậy là không đúng với quy định của tài chính (số than thực nhập vượt quá so với hoá đơn của bên bán là 5,6 tấn). Theo tác giả đối với những đoàn vận tải chở than về Công ty do bảo quản tốt trong quá trình vận chuyển dẫn đến số than thực nhập không bị hao hụt thì cần có chế độ thưởng cho bên vận tải, chứ không quyết toán với số lượng than lớn hơn ghi trong hoá đơn. Như vậy sẽ phù hợp với chế độ tài chính quy định, mặt khác giảm được chi phí thu mua vận chuyển đối với than, góp phần hạ giá thành sản xuất điện.

Hơn nữa trong hợp đồng mua bán than giữa Công ty mua của các khách hàng bán than cho Công ty thì Công ty mua than của các khách hàng tại bến cảng Công ty (Đối với than vận chuyển bằng đường sông) và tại sân ga (đối với than vận chuyển bằng đường sắt) Công ty tính trả 0,7% hao hụt cước vận chuyển là không hợp lý, sai chế độ chính sách. Theo em nhà máy không phải chịu mà bên vận tải phải chịu.

Ngoài ra những nguyên vật liệu khác của nhà máy giá nhập thường căn cứ vào hoá đơn của người bán. Như vậy đối với những vật liệu mà Công ty phải dùng xe vận chuyển về và những chi phí khác không được tính vào giá nhập của vật liệu. Nghĩa là giá vật liệu nhập kho chưa chuẩn xác. Theo tác giả những khoản chi phí này cần được tính vào giá trị vật liệu nhập kho.

+ Đối với vật liệu xuất kho.

Việc xuất than dầu đốt lò hàng tháng kế toán căn cứ báo cáo sử dụng than, dầu do phòng vật tư, kỹ thuật gửi lên. Nhưng ở bản báo cáo này chỉ cho biết số lượng than xuất dùng trong kỳ mà trong kho Công ty bao giờ cũng có 2 loại than cám 5 và cám 4. Như vậy kế toán tự định ra bao nhiêu loại cám 4 và bao nhiêu loại cám 5 là không đúng chức năng, không đúng với chế độ. Theo tác giả phòng tài chính kế toán cần đề xuất với Giám đốc yêu cầu phòng vật tư và phòng kỹ thuật, ngoài việc tính số lượng sử dụng trong kỳ, cần phải bóc tách ra xem trong số than

sử dụng đó là bao nhiêu than cám 4, bao nhiêu là than cám 5. Trên cơ sở đó kế toán vật liệu chỉ cần lắp giá với từng loại than xuất dùng trong tháng.

Tại Công ty giá than xuất dùng là giá ghi trên hoá đơn mà giá ghi trên hoá đơn lại không ổn định (Hàng năm vẫn có sự thay đổi giá than theo quyết định của uỷ ban vật giá chính phủ) Giá xuất dùng trong kì chỉ có 1 giá (Thường theo giá hoá đơn nhập gần nhất, giá cao nhất) Như vậy giá thực tế xuất dùng sẽ không chính xác, bởi vì lượng xuất dùng với lượng nhập của nhà máy bao giờ trùng nhau cả về hiện vật lẫn giá trị. Mặt khác trong kho than của Công ty thông thường tồn kho vài chục ngàn tấn tới trên 100 tấn. Như vậy là không hạch toán chính xác.

Ví dụ:

- Than cám 4 tồn đầu kì là 12.736,890 tấn số tiền là 1.613.535.800 đ

Giá bình quân tồn đầu kì là : 126.682 đ/tấn

- Than cám 4 nhập trong kì là 32.438 tấn số tiền là : 7.942.310.000đ

Giá bình quân là 245.000đ/tấn.

Theo phương pháp bình quân gia quyền xuất than cám 4 trong kì sẽ là :

$$\begin{array}{lcl} \text{Giá BQ} & 1.613.535.800 + 7.947.310.000 & \\ \text{gia quyền đ/T} & = \frac{\quad}{12.736,89 + 32.438} & = 211.640,7 \text{ đ/t} \end{array}$$

Giá sử tháng 4 xuất 30.000 tấn than cám 4. Thì giá trị xuất kho cám 4

(Giá gốc) là : $30.000\text{tấn} \times 211.640,7 = 6.349.211.000\text{đ}$

Trên đây ta mới nói tới phần xuất than theo giá gốc, còn chi phí vận chuyển thì kế toán phân bổ trong kì theo kinh nghiệm. Hao hụt than, nhập trong tháng cũng được tính ngay vào giá trị than xuất trong kì như vậy là không chính xác vì có tháng nhập nhiều, có tháng nhập ít, mặt khác có tháng nhập nhiều để dự trữ, tăng tồn kho nhưng lại xuất ít, thì việc tính hao hụt của một lượng nhập nhiều cho lượng xuất ít càng trở lên bất hợp lý. Theo tác giả việc phân bổ chi phí vận chuyển, hao hụt vận chuyển cho số lượng than xuất trong kỳ phải có một cơ sở khoa học nào đó có thể sử dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính cho mỗi tấn than nhập phải chịu thêm bao nhiêu chi phí vận chuyển. Hao hụt vận chuyển trên cơ sở đó tính cho mỗi tấn xuất kho phải chịu mới hợp lý.

Do đặc điểm của dây chuyền công nghệ sản xuất điện. Than, dầu liên tục được đưa vào đốt lò. Do vậy mà hàng tháng mới tính ra được số lượng than dầu sử dụng trong tháng (Dựa vào sản phẩm điện phát và các thông số kĩ thuật khác) .

Còn những vật liệu khác như hoá chất, dầu diesel chạy xe gạt để san gạt than, các vật liệu khác sau khi xuất ra khỏi kho của phòng vật tư, có những thứ thì sử dụng ngay trong tháng như có những thứ thì sử dụng không hết và được lưu ở kho phân xưởng. Nên nhiều khi có những thứ vật liệu ở kho Công ty không còn nhưng ở kho Phân Xưởng vẫn có. Như vậy về mặt quản lý sẽ thiếu chặt chẽ, mặt khác vật liệu sau khi xuất khỏi kho đã được tính vào giá thành sản xuất điện ở những tháng xuất nhiều giá thành điện tăng.

Ví dụ : Như hoá chất mua về xuất thẳng xuống kho phân xưởng hoá, trong đó hoá chất này theo tác giả hàng tháng thủ kho các phân xưởng cũng cần phải lập báo cáo về tình hình sử dụng và tồn kho cho phòng tài chính kế toán nắm được để giúp cho công tác quản lý được tốt hơn. Hoặc có thể nhập lại kho đối với những vật liệu sử dụng không hết.

3. Hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán chi tiết nguyên vật liệu:

Hạch toán chi tiết NVL là khâu quan trọng trong công tác tổ chức kế toán. Kế toán chi tiết vật liệu là công việc thực hiện kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán.

Xuất phát từ đặc điểm của Công ty (Nhập, xuất vật liệu diễn ra thường xuyên nhiều chủng loại), cho nên kế toán chi tiết vật liệu áp dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán là phù hợp và cũng là phương pháp hạch toán có nhiều ưu điểm nhất. Nhưng như ta đã trình bày ở phần thực tế cho thấy việc nhà máy áp dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết vật liệu là chưa đúng với nội dung yêu cầu của phương pháp này mà chỉ là mang tính chất “ Danh nghĩa”. Do đó chưa đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý vật liệu.

Cụ thể là: Kế toán chưa lập bảng lũy kế nhập, lũy kế xuất, phiếu giao nhận chứng từ nhập, xuất. Hiện tại thủ kho chỉ ghi chép số lượng nhập, xuất hàng ngày vào thẻ kho, còn ở phòng tài vụ thì thứ 3 và thứ 6 hàng tuần xuống kho nhận phiếu nhập, xuất đối chiếu với thẻ kho sau đó mang về phân loại và nhập số liệu vào máy vi tính cuối tháng in ra các sổ chi tiết tài khoản theo chỉ tiêu giá trị. Do vậy mà việc kiểm tra đối chiếu số lượng không thực hiện được, dễ gây sai lệch số liệu, không phát hiện kịp thời để điều chỉnh mà phải đến kì kế toán sau mới điều chỉnh được .

Công tác tổ chức kế toán vật liệu ở nhà máy cần được hoàn thiện như sau:

- Tại kho hàng ngày khi nhận các chứng từ nhập, xuất kho nguyên vật liệu, thủ kho sau khi kiểm tra tính hợp pháp của các chứng từ và phân loại chứng từ.

Cuối ngày thủ kho vào thẻ kho số lượng vật liệu nhập, xuất trong ngày tính ra số tồn kho cuối ngày trong thẻ kho. Định kì từ thứ 3 và thứ 6 hàng tuần thủ kho tập hợp toàn bộ các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong kì, sắp xếp phân loại chứng từ lập phiếu giao nhận chứng từ trong đó ghi rõ số lượng, số liệu chứng từ cho chứng từ nhập và chứng từ xuất riêng để giao cho kế toán.

Cuối tháng thủ kho căn cứ vào số lượng tồn trên thẻ kho để ghi vào sổ chi tiết (Cột số lượng) sau đó gửi cho phòng tài vụ. Sổ chi tiết vẫn được mở theo từng kho nhưng phải theo dõi từng loại, nhóm, thứ vật liệu một. Số lượng theo dõi ở thẻ kho và sổ chi tiết phải thống nhất. Muốn vậy phải sắp xếp các thẻ kho cho khoa học, theo từng kho, từng loại, nhóm vật liệu phù hợp với sổ danh điểm vật tư tạo điều kiện ghi chép thẻ kho và sổ chi tiết được dễ dàng.

Mẫu phiếu giao nhận chứng từ có cấu tạo và cách lập như sau:

Biểu số3_2

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 10 năm 2009

Nhóm vật liệu	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	số tiền
Nhiên liệu	15	Phiếu nhập kho	
Vật liệu phụ	05	Phiếu nhập kho	

Biểu số3_3

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 10 năm 2009

Nhóm vật liệu	Số lượng chứng từ	số hiệu chứng từ	số tiền
Nhiên liệu	12	Phiếu xuất kho	
Vật liệu phụ	08	Phiếu xuất kho	

Ngày 30 tháng 10 năm 2009

Người nhận

Người giao

Đồng thời căn cứ vào phiếu giao nhận chứng từ đã được tính giá . Kế toán ghi vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho vật liệu. Bảng này mở cho từng kho, số cột trong các phần nhập, xuất nhiều hay ít tùy thuộc vào số lần quy định của kế toán xuống kho lấy chứng từ.

Kết cấu : Bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho vật liệu như sau :

Biểu số:3_4

BẢNG LŨY KẾ NHẬP , XUẤT , TỒN KHO VẬT LIỆU

Tháng 10 năm 2009

Kho: 1522

Nhóm vật liệu	Tồn kho đầu tháng	Nhập		Xuất		Tồn
		Từ ngày ...đến ngày...	Từ ngày... đến ngày	Từ ngày... đến ngày...	Từ ngày đến ngày	Từ ngày... đến ngày...
Than	28.114.945.880	36.009.214.833		40.725.349.680		64.254.160.718
Dầu	3.009.515.876	1.319.505.200		1.289.400.000		4.260.900.567

Số tồn kho cuối kỳ của từng nhóm vật liệu trên bảng lũy kế được sử dụng để đối chiếu với số dư bằng tiền trên sổ chi tiết và với bảng kê tính giá vật liệu của kế toán tổng hợp .

4 Hoàn thiện kế toán kiểm kê nguyên vật liệu.

Công tác kiểm kê nhằm xác định chính xác số lượng, chất lượng, giá trị của từng loại NVL hiện có tại Công ty, kiểm tra tình hình bảo quản nhập, xuất và sử dụng, phát hiện kịp thời và xử lý các trường hợp thiếu hụt, hư hỏng, ứ đọng, mất mát, kém phẩm chất. Công ty này là cần thiết trong Công ty vì vậy Công ty cần tiến hành kiểm kê định kỳ 6 tháng hoặc 1 năm trước khi lập báo cáo quyết toán do ban kiểm kê tài sản của Công ty tiến hành. Hội đồng kiểm kê sẽ tiến hành các phương pháp kiểm kê như cân, đong, đo, đếm...để xác định số NVL có mặt tại kho vào thời điểm kiểm kê. Biên bản kiểm kê được lập cho từng kho, từng địa điểm sử dụng, từng người phụ trách. Kết quả kiểm kê được gửi lên phòng kế toán tài chính để đối chiếu.

Mẫu biên bản kiểm kê được thể hiện như sau:

Biểu số 3-5:

Đơn vị:...

Bộ phận:...

Biên bản kiểm kê

Nguyên vật liệu

Ngày...tháng...năm

- Hội đồng kiểm kê gồm:

+ Ông / bà:.....Chức vụ.....Đại diện.....Trưởng ban

+ Ông / bà:.....Chức vụ.....Đại diện.....Ủy viên

+ Ông / bà:.....Chức vụ.....Đại diện.....Ủy viên

Đã tiến hành kiểm kê các loại NVL sau:

STT	Tên NVL	Mã	Phương thức kiểm kê	Số lượng theo chứng từ	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm kê		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách	Số lượng không đúng quy cách	

ý kiến của hội đồng kiểm kê:

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

Kết luận chung

Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế và tiến trình phát triển của đất nước, cơ chế nhà nước được đổi mới với những chính sách mở cửa đã mang lại những cơ hội cũng như những thách thức cho sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn tìm tòi sáng tạo, hoàn thiện phương thức sản xuất kinh doanh bằng một hệ thống công cụ quản lý kinh tế nhằm đạt được mục tiêu của doanh nghiệp. Một trong những mục tiêu đó là tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm đồng nghĩa với tăng lợi nhuận, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Do vậy việc hiểu và phân tích một cách chính xác, đầy đủ công tác kế toán nguyên vật liệu là một trong những nội dung quan trọng, thiết yếu giúp đưa ra những giải pháp hoàn thiện gắn liền với việc đánh giá và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại, tác giả nhận thấy công tác phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung tại Công ty đã được thực hiện tốt từ việc phân tích môi trường nhằm đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp, đến việc phân tích các báo cáo tài chính trong Công ty. Về công tác kế toán nguyên vật liệu, Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Tổng công ty Điện Lực Việt Nam giao với việc phát huy tối đa trình độ, kinh nghiệm cộng với sự sáng tạo, đồng tâm của CBCNV. Do đó, công tác này đã giúp cho Công ty nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong điều kiện nền kinh tế nước ta đang có những chuyển biến quan trọng trước ngưỡng cửa hội nhập WTO đòi hỏi tính tự chủ, độc lập, sáng tạo rất lớn từ phía các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, do còn những hạn chế nhất định nên bài luận văn của tác giả không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong sẽ nhận được những góp ý quý báu của các thầy cô giáo, các cô chú anh chị trong phòng KT-TC trong Công ty và các bạn để bài luận văn được hoàn thiện hơn, giúp tác giả có những kiến thức và kinh nghiệm tốt trong công việc sau này.

Em xin được bày tỏ lòng cảm ơn chân thành tới thầy Lê Văn Liên cùng toàn thể thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học DLHP cũng như sự giúp đỡ của các cô chú anh chị trong Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại để tác giả có thể hoàn thành bản luận văn tốt nghiệp này.

